



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Giáo trình Luật Giám nh t pháp: Dùng cho ào to trình i hc
Cnh sát nhân dân, h Chính quy 4 nm theo tín ch, chuyên
ngành K thut hình s - Lu hành ni b**

**Phan Th Bích Hin; Phm Xuân Ngc; Nguyn Quc Khánh; H Thanh Giang; Hoàng
Minh c**

2019

Công an nhân dân

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/35>

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN
TS. Phan Thị Bích Hiền (chủ biên)

GIÁO TRÌNH
LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

*(Dùng cho bậc Đại học Cảnh sát nhân dân, hệ Chính quy 4 năm theo tín chỉ,
chuyên ngành Kỹ thuật hình sự)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

GIÁO TRÌNH
LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

thuvienso.dhcs.vn

Chủ biên:

TS. PHAN THỊ BÍCH HIỀN

Phó Trưởng Bộ môn Pháp luật

Tham gia biên soạn:

TS. Phan Thị Bích Hiền

Phó Trưởng Bộ môn Pháp luật

Mục I (tiểu mục 3), IV Chương 1; Mục I, II Chương 2

ThS. Phạm Xuân Ngọc

Phó Trưởng Bộ môn Pháp luật

Mục III, IV Chương 2; Mục II Chương 3

ThS. Nguyễn Quốc Khánh

Phó Trưởng Phòng NCKH

Mục I Chương 3; Mục VI Chương 2

ThS. Hồ Thanh Giang

Giảng viên Bộ môn Pháp luật

Mục III Chương 1

TS. Hoàng Minh Đức

Giảng viên Bộ môn Pháp luật

Mục I (tiểu mục 1,2), II Chương 1; Mục V Chương 2

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN
TS. Phan Thị Bích Hiền (chủ biên)

GIÁO TRÌNH
LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

(Dùng cho bậc Đại học Cảnh sát nhân dân, hệ Chính quy 4 năm theo tín chỉ,
chuyên ngành Kỹ thuật hình sự)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

TRƯỜNG ĐHCSSND

Kho Luật - CSI

Số ĐK: 200.12366...



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Thành lập theo Quyết định số 1142/QĐ-T48 ngày 30/5/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân)

TT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG
1	Đại tá, PGS, TS. Trần Thành Hưng Phó Hiệu trưởng	T48	Chủ tịch
2	Đại tá, TS. Nguyễn Đăng Tiến Phó Viện trưởng	C54 BCA	Phản biện
3	Đại tá, PGS, TS. Vũ Đức Trung Chuyên viên	T48	Phản biện
4	Đại tá, PGS, TS. Trần Ngọc Đức Trưởng bộ môn	T48	Ủy viên
5	Đại tá, TS. Phạm Tuấn Hải Trưởng khoa	T48	Ủy viên
6	Đại tá, TS. Nguyễn Huy Giang Trưởng khoa	T48	Ủy viên
7	Trung tá, ThS. Vũ Thị Thảo Phó Trưởng phòng	T48	Thư ký

LỜI NÓI ĐẦU

Theo quyết định số 1659/QĐ ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân về việc tổ chức biên soạn giáo trình nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của sinh viên, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tổ chức biên soạn **Giáo trình Luật Giám định tư pháp**. Giáo trình Luật Giám định tư pháp dùng giảng dạy cho hệ Chính quy, đào tạo bậc đại học, chuyên ngành Kỹ thuật hình sự. Trên cơ sở nghiên cứu các chế định của Luật Giám định tư pháp, những tài liệu có liên quan, cũng như tham khảo ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, giáo trình đã đề cập và làm rõ được những nội dung của Luật Giám định tư pháp, từ quy định chung đến những quy định cụ thể của hoạt động giám định tư pháp; đặc biệt là những nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân. Những nội dung kiến thức này được trình bày trong 3 chương của giáo trình, cơ bản đáp ứng được yêu cầu học tập của sinh viên, cụ thể:

Chương 1. Nhận thức chung về Luật Giám định tư pháp

Chương 2. Hoạt động giám định tư pháp

Chương 3. Quản lý nhà nước về giám định tư pháp

Trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi mong muốn nhận được các ý kiến phản hồi để giáo trình được hoàn thiện hơn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

I. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Khái niệm Luật Giám định tư pháp

Giám định là dùng các kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và những kinh nghiệm thực tiễn để nghiên cứu, xét nghiệm, so sánh và kết luận về một người, sự việc, hiện tượng... giúp cho cơ quan yêu cầu giám định có nhận thức khách quan để giải quyết vấn đề đặt ra trên cơ sở khoa học⁽¹⁾. Hoạt động giám định được thực hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau (giám định thương mại; giám định quyền tác giả, quyền liên quan; giám định sở hữu công nghiệp;

⁽¹⁾ Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *Khoa học hình sự Việt Nam (Tập 2: Kỹ thuật hình sự)*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 27.

giám định chất lượng công trình xây dựng; giám định cổ vật...). Hoạt động này chịu sự điều chỉnh của nhiều hệ thống quy phạm pháp luật (Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Xây dựng...), do nhiều chủ thể tiến hành (các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng hoặc có khả năng giám định) và để phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau.

Giám định tư pháp là một lĩnh vực giám định. Đó là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định⁽¹⁾. Giống như các hoạt động giám định khác, để đưa ra được kết luận giám định đảm bảo tính khách quan và khoa học, đòi hỏi hoạt động giám định tư pháp phải được tiến hành dựa trên nền tảng kiến thức khoa học của nhiều lĩnh vực tự nhiên và xã hội như: vật lý, hóa học, sinh học, công nghệ, môi trường, tài chính, ngân hàng... Người giám định tư pháp là những người được đào tạo về chuyên môn, có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực khoa học mà họ thực hiện giám định; Người giám định tư pháp phải sử dụng các phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật để đưa ra kết luận theo nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định. Tuy nhiên, so với các hoạt động giám định khác,

⁽¹⁾ Xem khoản 1, Điều 2, Luật Giám định tư pháp.

giám định tư pháp có những đặc trưng riêng về chủ thể tham gia, mục đích, cũng như trình tự, thủ tục tiến hành... Cụ thể như:

Thứ nhất, giám định tư pháp là hoạt động hỗ trợ tư pháp

Về thực chất, tư pháp là lĩnh vực thực hiện quyền lực nhà nước thông qua hoạt động xét xử và áp dụng pháp luật của hệ thống các cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức liên quan để phán xét, phân xử tính hợp pháp của các hành vi, giải quyết các vụ án, các xung đột của các quan hệ xã hội theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Giám định tư pháp là công cụ có khả năng tạo lập những tiền đề cần thiết cho việc hiện thực hóa quyền lực đó. Hoạt động giám định tư pháp được điều chỉnh bởi nhiều quy định cụ thể, đó có thể là các quy định về nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp; chính sách của Nhà nước đối với hoạt động tư pháp; các hành vi bị nghiêm cấm; các quy định về giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; quyền và nghĩa vụ của cá nhân và tổ chức trong hoạt động giám định tư pháp; tương trợ tư pháp về giám định tư pháp; chi phí, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp; trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp. Chính các quy định này đảm bảo cho hoạt động giám định tư pháp được thực hiện trên

cơ sở tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn, đảm bảo cho kết quả của hoạt động giám định tư pháp được đưa ra trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời. Kết quả của hoạt động giám định tư pháp được thể hiện trong bản kết luận giám định và theo quy định của các văn bản pháp luật tố tụng hiện hành, kết luận giám định tư pháp là một trong những nguồn chứng cứ có giá trị về mặt pháp lý và khoa học, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết các vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính được chính xác, khách quan⁽¹⁾.

Như vậy, giám định tư pháp được tiến hành nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động tư pháp (cụ thể là hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; giải quyết vụ việc dân sự; giải quyết vụ án hành chính), trong khi việc tiến hành các hoạt động giám định thông thường khác chỉ nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý có thẩm quyền ở từng lĩnh vực cụ thể hoặc để đảm bảo cho quyền và lợi ích của các chủ thể yêu cầu giám định trong các quan hệ xã hội, nhưng không phải trong hoạt động tư pháp.

Thứ hai, giám định tư pháp được cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thực hiện theo trung cầu hoặc yêu cầu của các chủ thể có tư cách tố tụng

⁽¹⁾ Xem điểm d, khoản 1, Điều 87, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 5, Điều 94, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 81, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Trước tiên, hoạt động giám định tư pháp phải được thực hiện bởi giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc. Không phải bất kỳ cá nhân, tổ chức có chức năng giám định đều được tiến hành giám định tư pháp. Chỉ có những cá nhân được các cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp, cá nhân được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc; các tổ chức giám định tư pháp công lập, ngoài công lập được thành lập theo quy định, tổ chức được lựa chọn làm tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc mới được tiến hành hoạt động giám định tư pháp.

Giám định tư pháp chỉ được tiến hành theo trung cầu hoặc yêu cầu của các chủ thể có tư cách tố tụng, đó là: Trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hoặc yêu cầu của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Thứ ba, hoạt động giám định tư pháp chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan

Giám định tư pháp là hoạt động mang tính đặc thù nghề nghiệp rất cao, hoạt động này có sự tương tác và phối hợp của nhiều chủ thể khác nhau mà cụ thể là người trung cầu giám định, người yêu cầu giám định, cá nhân, tổ chức giám

định tư pháp. Chính vì thế, hiệu quả của hoạt động giám định tư pháp chịu sự ảnh hưởng từ rất nhiều yếu tố, đó có thể là tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực của giám định viên tư pháp; thời gian giám định tư pháp; nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; tài liệu đồ vật liên quan đến hoạt động giám định tư pháp; cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định tư pháp; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với việc tổ chức, hoạt động giám định tư pháp, văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp và hướng dẫn thi hành các văn bản đó. Xét trong mối tương quan giữa các yếu tố và trong quan hệ tổng thể các yếu tố nêu trên, mỗi yếu tố đều có những tác động ở những mức độ khác nhau đến hoạt động giám định tư pháp, điều quan trọng cần nhận thức và điều chỉnh ở phạm vi thích hợp nhằm phối kết hợp những nhân tố tích cực, hạn chế và loại trừ những nhân tố tiêu cực, tạo tiền đề thuận lợi để hoạt động giám định tư pháp phát huy hiệu quả trong việc giải đáp những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

Thứ tư, hoạt động giám định tư pháp phải tuân thủ trình tự, thủ tục do pháp luật quy định

Để đảm bảo khoa học, hợp lý, hiệu quả, hoạt động giám định tư pháp phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục nhất định gồm trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; trình tự, thủ tục trưng cầu giám định tư pháp,

yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự; trình tự giao nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định và những vấn đề khác có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp.

Thứ năm, hoạt động giám định tư pháp chịu sự quản lý về mặt nhà nước của nhiều chủ thể khác nhau

Lĩnh vực giám định tư pháp rất đa dạng, từ khoa học kỹ thuật, công nghệ, môi trường đến khoa học xã hội; chủ thể trực tiếp tiến hành các hoạt động giám định tư pháp công tác ở nhiều bộ, ngành, địa phương và lĩnh vực khác nhau. Do đó, dưới góc độ quản lý nhà nước, hoạt động giám định tư pháp chịu sự quản lý của nhiều chủ thể, đây là đặc trưng khác biệt so với các hoạt động giám định tư pháp thông thường khác (chủ yếu chịu sự quản lý của chủ thể liên quan đến lĩnh vực giám định). Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp, Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp; Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ, cơ quan ngang Bộ khác thực hiện quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực do mình quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương.

Giám định tư pháp đóng vai trò bổ trợ quan trọng và cần thiết cho hoạt động tố tụng, nhưng không vì vậy mà làm mất đi tính độc lập của nó đối với lĩnh vực tố tụng. Pháp luật tố tụng hiện hành có quy định về người giám định, trưng cầu giám định, yêu cầu giám định, tiến hành giám định, giám định lại, giám định bổ sung... nhưng với đối tượng và phạm vi điều chỉnh của mình, pháp luật tố tụng chỉ quy định các vấn đề nêu trên với tư cách là chủ thể của hoạt động tố tụng hay những hoạt động tố tụng cụ thể và chỉ dừng lại ở những quy định mang tính nguyên tắc về mặt tố tụng. Dưới góc độ giám định tư pháp, chúng ta không thể xem đây là các quy định về chủ thể của hoạt động giám định tư pháp hay các hình thức, hoạt động của lĩnh vực giám định tư pháp. Những nội dung liên quan đến người giám định tư pháp như tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn khi tiến hành giám định tư pháp; trình tự, thủ tục, các nội dung mang tính nguyên tắc khi tiến hành trưng cầu giám định, yêu cầu giám định, giám định lại, giám định bổ sung; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong tổ chức các hoạt động giám định... không thể quy định trong pháp luật tố tụng, mà cần phải được quy định riêng.

Từ sự nhận thức đó, nhằm điều chỉnh những vấn đề có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp, như: chủ thể tiến hành hoạt động giám định tư pháp; trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp,

trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp...; đảm bảo hoạt động giám định tư pháp được tiến hành theo những khuôn mẫu, chuẩn mực pháp lý, từ đó phát huy hiệu lực, hiệu quả của hoạt động này trong thực tiễn, thì sự ra đời, tồn tại và phát triển của Luật Giám định tư pháp là thực sự cần thiết và đặc biệt có ý nghĩa. Với phạm vi điều chỉnh được xác định rõ ràng và cụ thể, Luật Giám định tư pháp đã tạo được một cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, liên thông với hệ thống pháp luật về tố tụng; qua đó khắc phục được những bất cập về thể chế trong hoạt động giám định tư pháp tồn tại trước đây.

Như vậy, *Luật Giám định tư pháp là một hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.*

Luật Giám định tư pháp có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh riêng, không trùng lặp với các ngành luật khác.

Về đối tượng điều chỉnh của Luật Giám định tư pháp

Đối tượng điều chỉnh của mỗi ngành luật là nhóm những quan hệ xã hội mà ngành luật đó bảo vệ. Tùy thuộc vào bản chất của mỗi ngành luật mà nhóm các quan hệ xã hội này mang tính chất khác nhau, nhưng điều đó không có nghĩa là tất cả những quan hệ xã hội cụ thể trong quá trình đó đều được pháp luật điều chỉnh. Pháp luật chỉ điều chỉnh những quan hệ xã hội cụ thể cơ bản, quan trọng nhất, còn những quan hệ khác có thể do các văn bản dưới luật cụ thể hóa,

với điều kiện là các văn bản dưới luật cần phải được tiến hành xây dựng trên cơ sở pháp luật và không trái với luật. Như vậy, đối tượng điều chỉnh của Luật Giám định tư pháp là những quan hệ xã hội cụ thể phát sinh trong quá trình tổ chức, hoạt động giám định tư pháp, bao gồm:

- Quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể giám định tư pháp với nhau, đó là: quan hệ xã hội phát sinh giữa cá nhân, tổ chức giám định tư pháp với người trung cầu giám định tư pháp, người yêu cầu giám định tư pháp; giữa người giám định tư pháp với tổ chức giám định tư pháp; giữa người trung cầu giám định tư pháp với người yêu cầu giám định tư pháp.

- Quan hệ xã hội phát sinh giữa cá nhân, tổ chức giám định tư pháp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

- Quan hệ phát sinh giữa các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

Để điều chỉnh các quan hệ xã hội này, Luật Giám định tư pháp có các quy định cụ thể về nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp; chủ thể giám định tư pháp; các hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp và trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp... Mặc dù, các quy phạm pháp luật có nội dung và phạm vi điều chỉnh khác nhau, được quy định để giải quyết

các yêu cầu nhiệm vụ khác nhau trong tổ chức, hoạt động giám định tư pháp, song nhìn chung các quy phạm pháp luật của Luật Giám định tư pháp có mối quan hệ chặt chẽ hữu cơ với nhau tạo nên sự thống nhất, hoàn chỉnh của Luật Giám định tư pháp. Theo phạm vi nội dung, Luật Giám định tư pháp bao gồm các quy phạm pháp luật cụ thể sau:

- Quy phạm pháp luật quy định về nguyên tắc thực hiện hoạt động giám định tư pháp.

- Quy phạm pháp luật quy định về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp.

- Quy phạm pháp luật quy định về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp.

- Quy phạm pháp luật quy định về các hành vi bị nghiêm cấm.

- Quy phạm pháp luật quy định về giám định viên tư pháp.

- Quy phạm pháp luật quy định về tổ chức giám định tư pháp (tổ chức giám định công lập; tổ chức giám định ngoài công lập; người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc).

- Quy phạm pháp luật quy định về hoạt động giám định tư pháp.

- Quy phạm pháp luật quy định về chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp.

- Quy phạm pháp luật quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

Về phương pháp điều chỉnh của Luật Giám định tư pháp

Phương pháp điều chỉnh của một ngành luật nói chung là cách thức, phương thức mà hệ thống các quy phạm pháp luật tác động lên các quan hệ xã hội mà ngành luật đó điều chỉnh nhằm vào các mục đích nhất định của ngành luật đó. Phương pháp điều chỉnh của một ngành luật được xác định bởi tính đặc trưng của đối tượng điều chỉnh của ngành luật đó. Mặt khác, phương pháp điều chỉnh của một ngành luật thông qua một số hình thức tác động như trình tự xác lập các quyền và nghĩa vụ chủ thể của quan hệ pháp luật, mức độ xác định các quyền, sự lựa chọn sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật, đặc điểm quan hệ giữa các bên, phương pháp bảo đảm thực hiện các quyền của chủ thể... Do tính đặc trưng của đối tượng điều chỉnh cũng như các hình thức điều chỉnh (trình tự, mức độ xác định...) của mỗi ngành luật là khác nhau, nên có nhiều phương pháp điều chỉnh khác nhau. Về cơ bản, Luật Giám định tư pháp sử dụng những phương pháp điều chỉnh sau:

- Phương pháp phối hợp, trao đổi thông tin trên cơ sở quy định của pháp luật nhằm thực hiện nhiệm vụ chung trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Thông thường, phương pháp này được sử dụng để điều chỉnh quan hệ

phát sinh giữa người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định, người giám định tư pháp khi thực hiện giám định tư pháp, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, tức là trong hoạt động giám định tư pháp thì quyền của chủ thể này chính là nghĩa vụ của chủ thể khác và ngược lại.

- Phương pháp hành chính. Trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động giám định tư pháp thường xuyên phát sinh quan hệ quản lý nhà nước giữa các cơ quan nhà nước với các cá nhân, tổ chức giám định tư pháp; giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong tổ chức, hoạt động giám định tư pháp nhằm kịp thời điều chỉnh, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp, kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở các lĩnh vực khác nhau, bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động giám định tư pháp.

2. Nhiệm vụ của Luật Giám định tư pháp

Luật Giám định tư pháp là một bộ phận của hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống tư pháp nói riêng, nhiệm vụ của Luật Giám định tư pháp không thể tách rời khỏi nhiệm vụ của cả hệ thống pháp luật nói chung và của tư pháp nói riêng. Bên cạnh đó, Luật Giám định tư pháp còn có những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Thứ nhất, bảo đảm cơ sở pháp lý cho các kết luận chuyên môn về những vấn đề có liên quan đến hoạt động

điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời, trung thực, khách quan, vô tư. Luật Giám định tư pháp tạo hành lang pháp lý vững chắc để hoạt động giám định tư pháp được thực hiện một cách khoa học và hiệu quả từ việc trung cầu, yêu cầu giám định đến việc tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp, trả lời kết luận giám định, lập hồ sơ giám định, bảo quản mẫu vật giám định, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định, chí phí, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp. Thông qua đó, kết quả của hoạt động giám định tư pháp góp phần làm sáng tỏ những vấn đề có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án, vụ việc phát sinh trong thực tiễn.

Thứ hai, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quá trình tổ chức, hoạt động giám định tư pháp. Hoạt động giám định tư pháp làm phát sinh nhiều mối quan hệ khác nhau, các mối quan hệ này gắn liền với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp, người trung cầu giám định, yêu cầu giám định. Luật Giám định tư pháp có khả năng định hướng hành vi của các chủ thể theo quỹ đạo phù hợp nhằm thực hiện đầy đủ, đúng đắn và chính xác các nội dung thuộc về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn, bảo đảm sự thống nhất, thông suốt trong hoạt động của từng chủ thể.

Thứ ba, bảo đảm cơ chế trong công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp. Hoạt động giám định tư pháp có tính đặc thù chuyên môn rất cao, có khả năng xây dựng và tạo lập nguồn chứng cứ để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết những vấn đề có liên quan đến vụ án, vụ việc. Mặc dù vậy, trong điều kiện kinh tế xã hội có những chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều phương diện như hiện nay cùng với sự tác động của những nhân tố khách quan lẫn chủ quan thì yêu cầu đặt ra là việc tổ chức và hoạt động giám định tư pháp phải được quản lý một cách thống nhất từ trung ương đến địa phương, từ việc ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp và hướng dẫn thi hành các văn bản đó đến việc xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển chung về giám định tư pháp, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển theo từng lĩnh vực giám định tư pháp, xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp, tổ chức kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp, thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về giám định tư pháp. Tất cả những nhiệm vụ này được ghi nhận và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật của Luật Giám định tư pháp.

3. Quá trình phát triển của Luật Giám định tư pháp

a. Thời điểm trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 được ban hành

Với vai trò hỗ trợ cho hoạt động tố tụng, quá trình phát triển của Luật Giám định tư pháp gắn liền với sự phát triển của pháp luật tố tụng (đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự)⁽¹⁾. Thời điểm trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 (Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên của nước ta) được ban hành, khi các quy định của pháp luật tố tụng về hình sự, dân sự và hành chính chưa được hoàn chỉnh, giám định tư pháp cũng chưa có văn bản quy định thống nhất. Các quy định về giám định tư pháp, chủ yếu ở 3 lĩnh vực giám định truyền thống (giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần và giám định kỹ thuật hình sự) ở thời điểm này chỉ được đề cập trong văn bản của các cơ quan có trách nhiệm quản lý đối với từng lĩnh vực. Các quy định về giám định kỹ thuật hình sự (tổ chức thực hiện giám định, nhiệm vụ và quyền hạn của người giám định...) gắn liền với văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của lực lượng kỹ thuật hình sự do Bộ Công an ban hành trong từng giai đoạn lịch sử; quy định về giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần do

⁽¹⁾ Văn bản quy phạm pháp luật tố tụng hình sự thường được ban hành trước các văn bản quy phạm pháp luật tố tụng khác: Bộ luật Tố tụng hình sự đầu tiên được ban hành ngày 28/6/1988; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự đầu tiên được ban hành ngày 29/11/1989; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính đầu tiên được ban hành ngày 21/5/1996.

Bộ Y tế, Bộ Tư pháp ban hành (Thông tư số 2795-HCTP, ngày 12/12/1956 của Bộ Y tế và Bộ Tư pháp, quy định về một số điểm cụ thể trong công tác giám định pháp y; Thông tư liên tịch số 116-BYT-BTP/TTLT, ngày 11/3/1988 của Bộ Y tế và Bộ Tư pháp, hướng dẫn và quy định về công tác giám định pháp y và pháp y tâm thần...). Hoạt động giám định tư pháp ở các lĩnh vực chuyên môn khác chưa được chú trọng và quy định cụ thể. Tuy nhiên, nội dung các quy định về giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần và giám định kỹ thuật hình sự thời điểm này chính là cơ sở nền tảng, là nguồn để xây dựng và hoàn thiện Luật Giám định tư pháp sau này.

b. Thời điểm sau khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 được ban hành

Sau khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 được ban hành, để kịp thời hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị định số 117-HĐBT, ngày 21/7/1988 về giám định tư pháp. Nghị định đã xác định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp, như: Giải thích như thế nào là giám định tư pháp; chủ thể tiến hành hoạt động giám định tư pháp; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của giám định viên, giám định viên trưởng; thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên; quy định những trường hợp giám định viên không được làm giám định

trong vụ án; chế độ, chính sách đối với giám định viên và hoạt động quản lý công tác giám định tư pháp của các cơ quan nhà nước. Nghị định số 117-HĐBT được coi là văn bản pháp lý đầu tiên, quy định thống nhất và có giá trị pháp lý cao về giám định tư pháp, mở ra những bước phát triển mới về thể chế cho hoạt động này, từ đó hỗ trợ có hiệu quả không chỉ cho hoạt động tố tụng hình sự, mà còn đối với hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính khi Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính được ban hành.

c. Thời điểm sau khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 được ban hành

Khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 được ban hành thay thế cho Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988, quy định về giám định tư pháp cũng có sự thay đổi phù hợp. Ngày 29/9/2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Quốc hội khóa XI) đã ban hành Pháp lệnh số 24/2004/PL-UBTVQH11 về giám định tư pháp và có hiệu lực chính thức từ ngày 1/1/2005. Với việc nâng tầm về mặt thể chế này, các quy định về giám định tư pháp đã thực sự mang tính hệ thống và tương đối hoàn chỉnh. Các quy định về giám định tư pháp trong Pháp lệnh số 24/2004/PL-UBTVQH11 có nhiều thay đổi phù hợp hơn.

- Pháp lệnh đã xác định rõ phạm vi điều chỉnh để đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng;

- Quy định cụ thể các nguyên tắc mang tính định hướng cho hoạt động giám định tư pháp;

- Nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động giám định tư pháp bằng các quy định cụ thể;

- Bổ sung nội dung về áp dụng điều ước quốc tế trong hoạt động giám định tư pháp;

- Về người giám định tư pháp: Pháp lệnh đã bổ sung quy định về người giám định tư pháp theo vụ việc, đây là quy định kế thừa và phát triển nội dung quy định của nghị định trước đây để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hoạt động giám định tư pháp ở những lĩnh vực chuyên môn; đồng thời Pháp lệnh cũng đã bỏ quy định về giám định viên trưởng; quy định cụ thể, đầy đủ hơn về tiêu chuẩn giám định viên tư pháp; bổ sung quy định các trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp, các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp; bổ sung thêm các quyền và nghĩa vụ của người giám định tư pháp. Về thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp vẫn theo tinh thần Nghị định trước đây, có sự phân cấp cụ thể cho các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng quy định phù hợp hơn;

- Bổ sung quy định về thẻ giám định viên;

- Xác định rõ các tổ chức giám định tư pháp trong từng lĩnh vực (pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự) và trong từng ngành;

- Đối với hoạt động giám định, Pháp lệnh đã có những quy định cụ thể về các hình thức giám định, trình tự, thủ tục trưng cầu giám định, hồ sơ giám định...; nội dung về phí giám định được quy định thành một chương riêng;

- Pháp lệnh đã cụ thể hóa nội dung quản lý nhà nước về giám định tư pháp, có sự phân công, phân cấp cụ thể dưới sự thống nhất quản lý của Chính phủ (trước đây do Bộ Tư pháp thống nhất quản lý).

Để triển khai Pháp lệnh về Giám định tư pháp trong thực tiễn, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2005/NĐ-CP, ngày 19/5/2005, hướng dẫn thực hiện một số điều của Pháp lệnh; Quyết định số 451/QĐ-TTg, ngày 23/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Pháp y quốc gia. Các văn bản về chế độ, chính sách đối với người giám định tư pháp cũng được quan tâm xây dựng và ban hành như Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg, ngày 7/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, Thông tư số 02/2009/TT-BTP, ngày 17/9/2009 của Bộ Tư pháp về chế độ phụ cấp giám định viên tư pháp. Các quy định hướng dẫn thực hiện hoạt động giám định tư pháp trong phạm vi quản lý cũng được một số bộ, ngành quan tâm xây dựng như Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 09/2006/TT-BCA, ngày 22/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công an, hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 67/2005/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều Pháp lệnh giám định tư pháp trong lực lượng Công an

nhân dân; Bộ Y tế ban hành Thông tư số 04/2007/TT-BYT, ngày 12/2/2007, hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần; Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 35/2009/TT-BXD, ngày 5/10/2009, hướng dẫn về giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng. Như vậy, cùng với nội dung quy định của Pháp lệnh, hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực giám định tư pháp cũng đang dần được xây dựng và hoàn thiện.

Mặc dù có sự thay đổi cơ bản về mặt thể chế và mang lại những hiệu quả tích cực trong thực tiễn áp dụng sau 6 năm triển khai, nhưng trước yêu cầu ngày càng cao của hoạt động giám định tư pháp, cũng như hoạt động tố tụng trong tình hình mới, các quy định của Pháp lệnh về giám định tư pháp dần bộc lộ một số hạn chế nhất định, như: Các quy định về tổ chức, hoạt động, quản lý nhà nước về giám định tư pháp chưa đầy đủ, cụ thể và chưa có sự đồng bộ, liên thông với các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, dân sự, hành chính; một số quy định của Pháp lệnh như quy định về mô hình tổ chức giám định tư pháp, nhất là mô hình tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, phạm vi hoạt động giám định tư pháp... chưa đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới; chủ trương xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp còn thiếu các quy định cụ thể về điều kiện, giải pháp thực hiện; quy định về quản lý nhà nước còn sơ hở, lỏng lẻo,

chưa làm rõ được cơ chế cộng đồng trách nhiệm của các Bộ, ngành chủ quản và cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về giám định tư pháp; còn thiếu các quy định về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phối hợp với các bộ, các ngành trong việc quản lý nhà nước về giám định tư pháp... dẫn đến việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giám định tư pháp rất thiếu thông tin, bị cắt khúc và kém hiệu quả⁽¹⁾.

Trước tình hình đó, để bước đầu khắc phục những tồn tại nêu trên và tiếp tục thể chế hóa quan điểm chỉ đạo về việc hoàn thiện chế định giám định tư pháp được đề cập tại Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2/6/2005, của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 258/QĐ-TTg, ngày 11/2/2010, phê duyệt Đề án “*Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp*” với mục tiêu cụ thể: “*Hoàn thiện chế định giám định tư pháp theo hướng đổi mới, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện cụ thể của Việt Nam, ban hành Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất và đồng bộ về tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp, bảo đảm gắn kết, liên thông, đồng bộ giữa pháp luật về giám định tư pháp với các quy định của pháp luật tố tụng (hình sự, dân sự, hành chính)*”. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Chỉ thị số 1958/CT-TTg, ngày 25/10/2010, về một số giải pháp

⁽¹⁾ Xem Tờ trình của Chính phủ về Luật Giám định tư pháp.

cấp bách nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp, trong đó việc khẩn trương nghiên cứu, xây dựng Luật Giám định tư pháp là một nội dung quan trọng.

Triển khai quan điểm chỉ đạo này, Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp thành lập Ban soạn thảo dự án Luật Giám định tư pháp gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương. Ngày 8/9/2011, Chính phủ có Tờ trình số 154/TTr-CP về Luật Giám định tư pháp gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Sau quá trình lấy ý kiến và thảo luận, ngày 20/6/2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Giám định tư pháp. Ngày 2/7/2012, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Lệnh số 11/2012/L-CTN, công bố Luật Giám định tư pháp và luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2013.

Luật Giám định tư pháp được ban hành bao gồm 8 chương, với 46 điều.

- Chương I. Những quy định chung (bao gồm 6 điều, từ Điều 1 đến Điều 6): Quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp; trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp; chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp và các hành vi nghiêm cấm.

- Chương II. Giám định viên tư pháp (bao gồm 5 điều, từ Điều 7 đến Điều 11): Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp; hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp; thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp; các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp; hồ sơ miễn nhiệm giám định viên tư pháp; thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp; quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp.

- Chương III. Tổ chức giám định tư pháp (bao gồm 6 điều, từ Điều 12 đến Điều 17): Quy định về hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập; hình thức, tên gọi, điều kiện thành lập, việc cấp phép, đăng ký hoạt động của tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập.

- Chương IV. Người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc (bao gồm 3 điều, từ Điều 18 đến Điều 20): Quy định về người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

- Chương V. Hoạt động giám định (bao gồm 15 điều, từ Điều 21 đến Điều 35): Quy định về trưng cầu, yêu cầu giám định; quyền và nghĩa vụ của người trưng cầu giám định, của người yêu cầu giám định, của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định, của tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định; giao nhận hồ sơ, đối tượng giám định; giám định

cá nhân, giám định tập thể; giám định bổ sung, giám định lại; hội đồng giám định; kết luận giám định tư pháp; hồ sơ giám định tư pháp; những trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp; tương trợ tư pháp về giám định tư pháp.

- Chương VI. Chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp (bao gồm 3 điều, từ Điều 36 đến Điều 38): Quy định về chi phí giám định tư pháp; chế độ đối với người giám định tư pháp và người tham gia định tư pháp và chính sách đối với hoạt động giám định tư pháp.

- Chương VII. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp (bao gồm 6 điều, từ Điều 39 đến Điều 44): Quy định về cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- Chương VIII. Điều khoản thi hành (bao gồm 2 điều, từ Điều 45 đến Điều 46): Quy định hiệu lực thi hành; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Các quy định của Luật Giám định tư pháp được xây dựng phù hợp với những quan điểm chỉ đạo sau đây:

Thứ nhất, thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về hoàn thiện thể chế, tổ chức và hoạt động giám định tư pháp được xác định trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, đặc biệt là chủ trương mở rộng dân chủ, tăng cường tranh tụng tại phiên tòa, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW.

Thứ hai, bảo đảm sự phù hợp với Hiến pháp, sự đồng bộ với các bộ luật, luật về tố tụng hình sự, dân sự, hành chính và các luật khác có liên quan.

Thứ ba, kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Giám định tư pháp, nâng tầm các quy định có tính nguyên tắc trong các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh của Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan thành quy định của Luật, đồng thời có tính đến nguyên tắc chung của pháp luật các nước, thông lệ quốc tế, bảo đảm cho hoạt động giám định tư pháp được khách quan, độc lập với các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ tư, bảo đảm sự quản lý thống nhất của nhà nước, sự cộng đồng trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với các cơ quan tiến hành tố tụng về bảo đảm nhu cầu, sự đáp ứng kịp thời và chất lượng của hoạt động giám định tư pháp trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn

Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn là nguyên tắc đặc thù trong hoạt động giám định tư pháp. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa và giá trị của hoạt động giám định tư pháp, việc quán triệt đầy đủ nội dung nguyên tắc này là yêu cầu có tính chất bắt buộc, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo việc tuân thủ trình tự, thủ tục, yêu cầu về mặt chuyên môn nghiệp vụ, tránh dẫn đến việc lạm dụng, lợi dụng hoặc sự thiếu đồng bộ, thống nhất, tính tùy tiện trong tổ chức và hoạt động giám định tư pháp.

Nội dung nguyên tắc này được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau đây:

Một là, cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đã được pháp luật quy định trong suốt quá trình từ giai đoạn tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định, thực hiện giám định, xây dựng bản kết luận giám định đến việc trả lời kết luận giám định và những hoạt động liên quan khác.

Hai là, cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải tuân theo quy chuẩn chuyên môn. Quy chuẩn chuyên môn là tổng hợp của quy trình và tiêu chuẩn khoa học được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật, là căn cứ pháp lý để người giám định tư pháp thực hiện và

kết luận giám định. Mỗi lĩnh vực giám định có quy chuẩn chuyên môn riêng, do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng. Tuân theo quy chuẩn chuyên môn là yêu cầu đối với người thực hiện giám định tư pháp phải thực hiện đầy đủ, chính xác về trình tự, thủ tục thực hiện giám định cũng như việc áp dụng tiêu chuẩn khi kết luận giám định. Như vậy, tùy thuộc đặc thù của lĩnh vực giám định, các cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành quy chuẩn giám định tư pháp hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp theo yêu cầu và đặc thù của lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý hoặc ban hành quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực giám định pháp y, pháp y tâm thần. Đây cũng chính là cơ sở pháp lý, thực tiễn cho việc thực hiện thống nhất hoạt động giám định tư pháp, đảm bảo tính minh bạch, khả thi, hiệu quả và khoa học của hoạt động giám định tư pháp.

2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời

Xuất phát từ nhiệm vụ của hoạt động giám định tư pháp là kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định. Kết quả hoạt động giám định tư pháp có giá trị quan trọng trong việc làm sáng tỏ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án, vụ việc. Chính vì thế, tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác,

khách quan, vô tư, kịp thời là vấn đề có ý nghĩa then chốt, quyết định đến hiệu quả của hoạt động giám định tư pháp.

Nội dung nguyên tắc này được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau đây:

Một là, cá nhân, tổ chức giám định tư pháp chỉ căn cứ vào những tình tiết, nội dung tài liệu có thật để tiến hành thực hiện giám định, không tự suy diễn theo ý chí chủ quan của mình khi áp dụng quy định pháp luật.

Hai là, cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải chủ động trong việc tìm hiểu nội dung cần giám định, thu thập dấu vết, tài liệu... phục vụ việc thực hiện giám định. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp không phải vì muốn hay không muốn một chi tiết, nội dung cụ thể nào đó mà chi phối đến suy nghĩ trong hoạt động chuyên môn, thể hiện sự độc lập không bị chi phối bởi những yếu tố lợi ích vật chất, phi vật chất trong hoạt động giám định.

Khác với những người tham gia tố tụng khác, người giám định tư pháp tham gia tố tụng với tư cách là một nhà chuyên môn về vấn đề mà cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và các bên đương sự quan tâm. Do đó, ý kiến của người giám định tư pháp có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối với việc giải quyết vụ việc dân sự, ý kiến của người giám định tư pháp còn ảnh hưởng đến hành vi, sự lựa chọn của các bên đương sự như họ có thể dễ dàng

nhượng bộ nhau trong hòa giải hoặc rút đơn khởi kiện... Vì vậy, có thể thấy sự khách quan, vô tư của người giám định tư pháp có ảnh hưởng quan trọng như thế nào. Nếu người giám định tư pháp đã thiếu vô tư, có định kiến trước thì cho dù phương pháp, phương tiện giám định có tiên tiến, hiện đại đến đâu, trình độ chuyên môn có cao bao nhiêu thì kết luận giám định cũng không bảo đảm chính xác, thậm chí có thể bóp méo sự thật, dẫn đến oan sai. Vì thế, pháp luật đòi hỏi sự khách quan, vô tư của người giám định tư pháp cũng giống như đối với người tiến hành tố tụng.

Ba là, chính xác là yêu cầu rất cơ bản trong hoạt động giám định tư pháp, đòi hỏi sự tỉ mỉ trong tiếp nhận nội dung giám định, thu thập, nghiên cứu tài liệu, đánh giá tổng hợp một cách khoa học của người giám định tư pháp. Kịp thời thể hiện ở khía cạnh, một mặt cần tiến hành giám định ngay khi tiếp nhận hoặc được phân công giám định tránh sự biến đổi tự nhiên của đối tượng giám định (trong giám định pháp y thương tích, một số chuyên ngành trong giám định kỹ thuật hình sự...); mặt khác, thể hiện việc kết luận, trả kết luận giám định theo đúng thời hạn mà pháp luật quy định hoặc thời hạn thỏa thuận với người yêu cầu giám định. Đồng thời, tuyệt đối tránh việc từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng, cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật, cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp, lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi hoặc tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp.

3. Chi kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được yêu cầu

Hoạt động giám định tư pháp được thực hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau, đó có thể là giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính bao gồm giám định tư pháp về kế toán, kiểm toán, giám định tư pháp về giá, giám định tư pháp về chứng khoán, giám định tư pháp về thuế, giám định tư pháp về hải quan và các lĩnh vực tài chính khác theo quy định của pháp luật; giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa gồm giám định tư pháp về di vật, cổ vật, quyền tác giả, quyền liên quan; giám định tư pháp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; giám định tư pháp trong lĩnh vực giao thông vận tải; giám định tư pháp trong đầu tư xây dựng cơ bản; giám định tư pháp trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; giám định tư pháp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Như vậy, phạm vi các lĩnh vực giám định và cùng với đó là thiết chế đảm bảo việc thực hiện giám định tư pháp là rất rộng, một mặt đòi hỏi phải có đủ số lượng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của pháp luật, mặt khác phải đảm bảo chất lượng, không ngừng được trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của thực tiễn các hoạt động giám định tư pháp.

Hoạt động giám định tư pháp thông thường được thực hiện bởi các chuyên gia, ngoài những người công tác tại các

tổ chức giám định tư pháp chuyên trách trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự; các lĩnh vực khác như tài chính, ngân hàng, tiền tệ, xây dựng, giao thông, văn hóa... thì người giám định cũng có thể là cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn về các lĩnh vực này đang công tác tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp liên quan. Trong trường hợp họ được trưng cầu, yêu cầu hoặc được phân công của Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp để thực hiện giám định, người đó sử dụng thời gian, trang thiết bị của cơ quan để thực hiện giám định. Vì vậy, Điều 4, Luật Giám định tư pháp quy định: *"Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định. Cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng"*, vì thực tế hiện nay, nhất là đối với một số vụ án, vụ việc phức tạp, nhạy cảm, có cá nhân, tổ chức cố tình từ chối thực hiện giám định mặc dù có đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện giám định tư pháp. Điều này có nghĩa, hoạt động giám định tư pháp ngoài việc được thực hiện bởi các chủ thể có chuyên môn trên mỗi lĩnh vực nhất định, đảm bảo giám định tư pháp được thực hiện theo đúng quy chuẩn, quy phạm, quá trình đưa ra kết luận giám định đảm bảo tính phù hợp, khoa học, khách quan, trong phạm vi được yêu cầu thì cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải có trách nhiệm, nghĩa vụ và trong phạm vi thẩm quyền được pháp luật quy định không được

có hành vi từ chối kết luận giám định mà không có lý do chính đáng hoặc kết luận giám định vượt quá phạm vi yêu cầu cũng như phạm vi chuyên môn.

Đối với người giám định, để phân biệt một cách rõ ràng phạm vi chuyên môn được yêu cầu đối với một vụ án, vụ việc giám định cụ thể là khá phức tạp, trong nhiều trường hợp nội dung trung cầu, yêu cầu giám định có sự đan xen đòi hỏi người giám định nắm rõ nội dung cần giám định, từ đó xem xét để áp dụng chính xác yêu cầu của nguyên tắc này đối với lĩnh vực giám định mà mình thực hiện. Ngoài ra, nguyên tắc này đòi hỏi sự phối hợp tuân thủ của cả người trung cầu giám định và người thực hiện giám định.

Trước hết, người trung cầu phải quán triệt sự cần thiết phải trung cầu giám định theo quy định của pháp luật, sau đó xác định nội dung cần thiết phải giám định để xác định cá nhân, tổ chức giám định phù hợp, không yêu cầu kết luận ngoài phạm vi chuyên môn giám định cũng như những vấn đề về pháp lý.

Trong trường hợp xác định quyết định trung cầu giám định có nội dung yêu cầu giám định không thuộc phạm vi chuyên môn của tổ chức giám định, người giám định thì tổ chức giám định, người giám định có văn bản thông báo kịp thời cho cơ quan trung cầu, người trung cầu giám định biết để cơ quan trung cầu thực hiện việc trung cầu đối với tổ chức, cá nhân khác thực hiện giám định.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định

Kết luận giám định tư pháp là nguồn chứng cứ khoa học, quan trọng có ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính hay vụ việc dân sự. Vì vậy, quy định nguyên tắc bắt buộc người giám định tư pháp chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định là cần thiết, bảo đảm tính minh bạch cũng như tăng cường hiệu quả của hoạt động giám định tư pháp, đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng và nhu cầu của cá nhân, tổ chức trong quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự...

Nội dung nguyên tắc này được thể hiện trên một số phương diện cơ bản sau đây:

- Người thực hiện giám định có nghĩa vụ tuân thủ trình tự, thủ tục, phương pháp thực hiện giám định và áp dụng quy chuẩn chuyên môn theo từng lĩnh vực giám định cụ thể nhằm đưa ra kết luận giám định được chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

- Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong hoạt động giám định tư pháp phải xây dựng kết luận giám định tư pháp đảm bảo tuân thủ về nội dung và hình thức do pháp luật quy định.

- Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp độc lập trong việc đưa ra kết luận giám định và có quyền phản biện bảo vệ về những vấn đề chuyên môn đã kết luận thuộc phạm vi giám định.

- Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm hành chính, kỷ luật, hình sự nếu như có hành vi đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật. Bởi lẽ, kết luận giám định tư pháp là nguồn chứng cứ khoa học, có tính khách quan đáng tin cậy để cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng trong việc giải quyết vụ án, vụ việc chính xác, đúng pháp luật. Hành vi cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật sẽ dẫn đến hậu quả làm sai lệch kết quả hoạt động tố tụng, bất luận với động cơ, mục đích gì đều làm phương hại đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức liên quan.

III. CHỦ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Người trưng cầu giám định

Người trưng cầu giám định bao gồm cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng được xác định trong các văn bản pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể được quy định, thì không phải bất kỳ cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nào đều có thẩm quyền trưng cầu giám định và được xác định là người trưng cầu giám định.

- Trong tố tụng hình sự:

+ Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án là những cơ quan tiến hành tố tụng, đây là cơ quan có thẩm quyền trưng cầu giám định.

+ Người tiến hành tố tụng gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên. Tuy nhiên, chỉ có Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra khi được phân công tiến hành việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự; Viện trưởng Viện Kiểm sát hoặc Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là những người có thẩm quyền trưng cầu giám định⁽¹⁾. Còn những người tiến hành tố tụng khác như Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên sẽ không có thẩm quyền trưng cầu giám định và không được coi là người trưng cầu giám định.

+ Khi tiến hành điều tra tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người

⁽¹⁾ Căn cứ vào quy định tại điểm d, khoản 2 và khoản 3, Điều 36; điểm d, khoản 2 và khoản 3 Điều 41; điểm d khoản 2, Điều 45 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

phạm tội rõ ràng theo nhiệm vụ, quyền hạn thì cấp trưởng, cấp phó của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư sẽ có thẩm quyền trưng cầu giám định khi cần thiết⁽¹⁾. Như vậy, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, cũng như các văn bản pháp luật có liên quan, một số cơ quan và người người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có thẩm quyền trưng cầu giám định.

- Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính:

+ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc dân sự hoặc được phân công giải quyết vụ án hành chính có thẩm quyền trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết⁽²⁾.

+ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền quyết định việc giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định trong các trường hợp đặc biệt⁽³⁾.

Như vậy, trong hoạt động tố tụng dân sự hay tố tụng hành chính, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành

⁽¹⁾ Căn cứ vào các quy định tại khoản 2, Điều 39, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều từ Điều 32 đến Điều 36 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015.

⁽²⁾ Căn cứ vào nội dung quy định tại Điều 102, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 89, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

⁽³⁾ Quy định tại khoản 2, Điều 30, Luật Giám định tư pháp; khoản 5, Điều 102, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, Điều 89, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

tổ tụng được xác định là người trưng cầu giám định bao gồm: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc dân sự hoặc được phân công giải quyết vụ án hành chính, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Quyền và nghĩa vụ của người trưng cầu giám định

Trong lĩnh vực giám định tư pháp, người trưng cầu giám định có những quyền sau:

- Trưng cầu cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp thực hiện giám định;
- Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu;
- Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định.

Bên cạnh đó, người trưng cầu giám định còn có những nghĩa vụ:

- Lựa chọn tổ chức hoặc cá nhân thực hiện giám định phù hợp với tính chất, yêu cầu của vụ việc cần giám định;
- Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;
- Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp;
- Tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi trưng cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho cá

nhân, tổ chức thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định;

- Bảo đảm an toàn cho người giám định tư pháp trong quá trình thực hiện giám định hoặc khi tham gia tố tụng với tư cách là người giám định tư pháp.

2. Người yêu cầu giám định

Người yêu cầu giám định là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận. Người có quyền tự mình yêu cầu giám định bao gồm đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

Trong các văn bản pháp luật tố tụng trước đây, quyền yêu cầu giám định của người tham gia tố tụng chưa được ghi nhận, cho nên, việc quy định về người yêu cầu giám định trong Luật Giám định tư pháp là vấn đề mang tính chất đột phá về mặt thể chế, tạo cơ sở cho việc ghi nhận chính thức quyền này trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (quy định tại các điều 63, 64, 65, 68, 207), Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (quy định tại khoản 1, Điều 102) và Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (quy định tại khoản 1, Điều 89), từ đó, bảo đảm được quyền yêu cầu giám định của người tham gia

tổ tụng, tạo điều kiện cho họ chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hoạt động tố tụng, góp phần thực thi có hiệu quả chủ trương mở rộng dân chủ, tăng cường tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp của Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Khi cần làm rõ những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hoạt động tố tụng, người yêu cầu giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra quyết định trưng cầu giám định về vấn đề đó. Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 7 ngày phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản. Hết thời hạn nói trên hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định nhưng phải trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm hoặc trước khi quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự⁽¹⁾. Khi yêu cầu giám định, người yêu cầu giám định còn có những quyền hạn cụ thể, như:

- Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng thời hạn đã thỏa thuận và theo nội dung đã yêu cầu;

⁽¹⁾ Xem khoản 4, Điều 22, quy định về quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp; khoản 1, Điều 102, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 89, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

- Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày về kết luận giám định;

- Yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định lại; yêu cầu giám định bổ sung.

Ngoài các quyền nêu trên, người yêu cầu giám định còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu do mình cung cấp;

- Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định.

3. Người giám định tư pháp

a. Giám định viên tư pháp

Giám định viên tư pháp là người đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp. Giám định viên tư pháp là chủ thể có vai trò quan trọng trong hoạt động giám định tư pháp, với kiến thức chuyên môn của mình, cùng với việc sử dụng phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật,

ng nghiệp vụ, giám định viên tư pháp sẽ đưa ra kết luận chuyên môn về những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trung cầu hoặc yêu cầu của người trung cầu, người yêu cầu giám định tư pháp được chính xác, khoa học, kịp thời và đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong thực tiễn tố tụng, hầu như các hoạt động giám định đều do giám định viên tư pháp tiến hành.

Phân loại giám định viên tư pháp

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, giám định viên tư pháp được phân chia thành: Giám định viên tư pháp chuyên trách và Giám định viên tư pháp kiêm nhiệm.

- Giám định viên tư pháp chuyên trách là giám định viên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm đang công tác tại các tổ chức giám định tư pháp chuyên trách (các tổ chức giám định tư pháp công lập, ngoài công lập), chuyên thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu, yêu cầu của người trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp.

- Giám định viên tư pháp kiêm nhiệm là giám định viên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm đang công tác tại các cơ quan, tổ chức chuyên môn (bệnh viện; trung tâm y tế; viện nghiên cứu; cơ quan nhà nước; cơ sở đào tạo, nghiên cứu...) có trách nhiệm thực hiện giám định khi được trung cầu đích danh hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định. Văn bản kết luận

giám định của giám định viên tư pháp kiêm nhiệm có giá trị pháp lý như đối với văn bản kết luận giám định của giám định viên tư pháp chuyên trách

Căn cứ vào lĩnh vực chuyên môn hoạt động, giám định viên tư pháp được phân chia thành: Giám định viên pháp y, Giám định viên pháp y tâm thần, Giám định viên kỹ thuật hình sự và Giám định viên tư pháp hoạt động trong các lĩnh vực khác.

- Giám định viên pháp y: Là những giám định viên tư pháp thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực y khoa (xác định nguyên nhân chết, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, tổn hại về sức khỏe, độ tuổi, giới tính, ADN...).

- Giám định viên pháp y tâm thần: Là những giám định viên tư pháp thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực chuyên ngành tâm thần (xác định các vấn đề liên quan đến bệnh tâm thần, rối loạn tâm thần...; khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của một người).

- Giám định viên kỹ thuật hình sự: Là những giám định viên tư pháp thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự (giám định các vấn đề liên quan đến dấu vết đường vân, dấu vết cơ học, súng, đạn, tài liệu, cháy, nổ, kỹ thuật, âm thanh, sinh học, hóa học, kỹ thuật số và điện tử).

- Giám định viên tư pháp hoạt động trong các lĩnh vực khác: Tùy thuộc vào từng lĩnh vực sẽ có những quy định cụ thể về chủ thể này. Chẳng hạn, giám định tư pháp trong

lĩnh vực tài chính bao gồm: Giám định tư pháp về kế toán, kiểm toán; Giám định tư pháp về giá; Giám định tư pháp về chứng khoán; Giám định tư pháp về thuế; Giám định tư pháp về hải quan và các lĩnh vực tài chính khác theo quy định của pháp luật. Trong lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng: Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng; Giám định tư pháp về chất lượng xây dựng; Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan. Trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ có giám định viên tư pháp thuộc các lĩnh vực: tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa ...

Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp

Với vai trò quan trọng trong hoạt động giám định tư pháp, đòi hỏi giám định viên tư pháp phải đảm bảo được những tiêu chuẩn nhất định:

- Phải là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 5 năm trở lên. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian hoạt động thực tế chuyên môn từ đủ 3 năm trở lên;

- Đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự phải có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định.

Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

- Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực giám định tư pháp và để cụ thể hóa các tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BYT, ngày 15/01/2014, quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần và Bộ Công an ban hành Thông tư số 33/2014/TT-BCA, ngày 5/8/2014, quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, trong đó quy định chi tiết các tiêu chuẩn để

bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần, giám định viên kỹ thuật hình sự.

Tiêu chuẩn cụ thể để bổ nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động trong các lĩnh vực khác như: tài chính, xây dựng, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường, văn hóa, công thương... sẽ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ của từng lĩnh vực quy định chi tiết.

Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp

Giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ các tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp;
- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;
- Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.
- Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

- Thực hiện một trong các hành vi sau đây: Từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng; Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật; Cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp; Lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi; Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp; Xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật; Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

- Theo đề nghị của giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng có quyết định nghi việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc.

Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp

- Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần thuộc các cơ quan ở trung ương, trong đó có cả giám định viên pháp y thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. Cụ thể:

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc Viện Pháp y quốc gia;

+ Theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc Viện Pháp y quân đội (Bộ Quốc phòng).

+ Theo đề nghị của Bộ Công an, bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc Trung tâm Giám định pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an);

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y tâm thần thuộc Viện Pháp y tâm thần Trung ương, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực.

- Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc các cơ quan ở trung ương, trong đó có cả giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng. Cụ thể:

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an);

+ Theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Phòng Giám định kỹ thuật hình sự (Bộ Quốc phòng).

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động trong các lĩnh vực khác tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý (theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan này). Chẳng hạn: Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tài chính hoạt động tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế...).

Giám định viên tư pháp là một chức danh chuyên môn, cho nên, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động tại các cơ quan ở trung ương được giao cho các Bộ, ngành quản lý về mặt chuyên môn là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo cho hoạt động bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong cùng lĩnh vực được thống nhất về mặt quản lý, thống nhất về yêu cầu tiêu chuẩn chuyên môn; từ đó phát huy được vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành được giao quản lý lĩnh vực chuyên môn về giám định tư pháp trong việc bảo đảm số lượng, chất lượng đội ngũ người làm giám định tư pháp, đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng hiện nay.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương (theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp và Sở Tư pháp). Cụ thể:

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc Trung tâm Pháp y cấp tỉnh;

+ Bổ nhiệm giám định viên pháp y (pháp y tử thi) và giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh;

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong các lĩnh vực khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động tại các cơ quan, tổ chức ở địa phương lại mang tính chất quản lý hành chính nhà nước. Tuy không phải là chức danh hành chính nhưng với vai trò là một chủ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước ở địa phương, giám định viên tư pháp ở địa phương chịu sự tác động mạnh mẽ của cơ chế quản lý hành chính đối với mọi mặt hoạt động. Việc giao thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ đảm bảo việc thống nhất quản lý về số lượng đội ngũ giám định viên ở cấp cơ sở, từ đó phục vụ cho các hoạt động quản lý hành chính khác ở địa phương.

Quyền, nghĩa vụ của giám định viên tư pháp

Về quyền và nghĩa vụ chung:

- Thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu;

- Từ chối giám định trong trường hợp nội dung cần giám định vượt quá khả năng chuyên môn; đối tượng giám định, các tài liệu liên quan được cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định; thời gian không đủ để thực hiện giám định hoặc có lý do chính đáng khác. Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu hoặc yêu cầu giám định phải thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp luật;

- Thành lập Văn phòng giám định tư pháp khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn (trừ các giám định viên tư pháp đang là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng);

- Thành lập, tham gia hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội;

- Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Giám định tư pháp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

Bên cạnh các quyền, nghĩa vụ chung, khi thực hiện giám định tư pháp, giám định viên tư pháp còn có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu giám định;

- Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định;

- Độc lập đưa ra kết luận giám định;

- Tuân thủ các nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp;

- Thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu giám định;

- Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu; trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định thì phải thông báo kịp thời cho người trung cầu, yêu cầu giám định biết;

- Lập hồ sơ giám định;

- Bảo quản mẫu vật giám định, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định;

- Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người đã trung cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;

- Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra. Trường hợp cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức thì còn phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Với vai trò là một chủ thể của hoạt động tố tụng, giám định viên tư pháp còn có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về tố tụng; không được thực hiện giám định tư pháp nếu thuộc một trong các trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi; hoặc trong trường hợp được trung cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ án, vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b. Người giám định tư pháp theo vụ việc

Người giám định tư pháp theo vụ việc là người đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn để thực hiện giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định.

Việc quy định người giám định tư pháp theo vụ việc bên cạnh đội ngũ giám định viên tư pháp là phù hợp với thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh đội ngũ giám định viên tư pháp hiện nay vẫn còn thiếu chuyên gia có kiến thức chuyên sâu ở những lĩnh vực đặc thù, không thường xuyên hoặc mới phát sinh (ví dụ như: giám định hồ sơ dự án ODA; kỹ thuật xây dựng thủy lợi; kỹ thuật xe; tự động điều khiển robot; cấp tín dụng, nhận tiền gửi và cung ứng dịch vụ thanh toán qua ngân hàng...). Với đội ngũ này, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người yêu cầu giám định có nhiều lựa chọn hơn trong việc trung cầu hoặc yêu cầu giám định, từ đó đảm bảo tính khách quan, khoa học của các kết luận giám định.

Người giám định tư pháp theo vụ việc không cần được bổ nhiệm mà hàng năm, ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lựa chọn, lập và công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc (kèm theo thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm, sinh; nơi công tác hoặc nơi cư trú; lĩnh vực chuyên môn; kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp của người được lập danh sách)

để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng. Danh sách này được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Dù không phải trải qua quy trình bổ nhiệm chặt chẽ như giám định viên tư pháp, nhưng để đáp ứng được các yêu cầu giám định, người giám định tư pháp theo vụ việc cũng cần phải đảm bảo được những tiêu chuẩn nhất định:

- Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 5 năm trở lên. Trong trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

Người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có thể lựa chọn người giám định tư pháp theo vụ việc trong danh sách đã được công bố hàng năm để trưng cầu hoặc yêu cầu thực hiện giám định. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân có đủ các điều kiện nêu trên nhưng không thuộc danh sách đã được công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do và Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định có trách

nhiệm giới thiệu cá nhân có đủ điều kiện để thực hiện giám định theo trung cầu⁽¹⁾.

Người giám định tư pháp theo vụ việc có các quyền và nghĩa vụ như giám định viên tư pháp (các quyền và nghĩa vụ chung, quyền và nghĩa vụ khi thực hiện giám định) trừ quyền được thành lập Văn phòng giám định tư pháp và thành lập, tham gia hội giám định viên tư pháp. Người giám định tư pháp theo vụ việc không được thực hiện giám định tư pháp nếu thuộc một trong các trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi; hoặc trong trường hợp được trung cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ án, vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Tổ chức giám định tư pháp

a. Tổ chức giám định tư pháp công lập

Tổ chức giám định tư pháp công lập là tổ chức giám định tư pháp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, thực hiện việc giám định tư pháp theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc yêu cầu của người yêu cầu giám định tư pháp.

Tổ chức giám định tư pháp công lập là cơ quan nhà nước, hoạt động giám định tư pháp chuyên trách chủ yếu ở 3 lĩnh vực là pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.

⁽¹⁾ Người yêu cầu giám định không được thực hiện quyền yêu cầu giám định của mình trong trường hợp này.

Đây là những lĩnh vực giám định truyền thống, mang tính thường xuyên. Việc quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương bằng các thể chế chặt chẽ đối với 3 lĩnh vực quan trọng này nhằm giúp cho các hoạt động giám định được thực hiện có định hướng, không chỉ hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động tố tụng (một hoạt động cũng mang tính nhà nước) mà còn phục vụ cho các yêu cầu khác của công tác quản lý nhà nước. Riêng đối với các lĩnh vực khác (tài chính, ngân hàng, xây dựng, tài nguyên, môi trường, văn hóa...), trong những trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức giám định tư pháp phục vụ cho việc giám định sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức giám định tư pháp công lập

Bên cạnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính là tiến hành các hoạt động giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập còn thực hiện các mặt công tác khác như: xây dựng quy chuẩn giám định; xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức, hướng dẫn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra nghiệp vụ; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giám định...

Thứ nhất, tổ chức giám định pháp y ở cấp trung ương:

- Viện Pháp y quốc gia thuộc Bộ Y tế: Là đơn vị sự nghiệp y tế công lập, được thành lập theo Quyết định số 451/QĐ-TTg,

ngày 23/3/2006, của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Viện Y học Tư pháp Trung ương và được xác định lại tại Quyết định số 246/QĐ-TTg, ngày 12/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Viện Pháp y quốc gia có một phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Viện Pháp y quốc gia thuộc Bộ Y tế có các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- + Thực hiện giám định pháp y theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

- + Xây dựng quy chuẩn giám định pháp y trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

- + Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức, hướng dẫn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ pháp y;

- + Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra nghiệp vụ pháp y đối với các tổ chức giám định pháp y trong toàn quốc theo quy định của Bộ Y tế;

- + Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y;

- + Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp y theo quy định của Bộ Y tế;

- + Tổng kết, báo cáo Bộ Y tế, Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định pháp y theo định kỳ hàng năm, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định pháp y;

- + Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Viện Pháp y quân đội thuộc Bộ Quốc phòng: Là đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Quân đội nhân dân. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Viện Pháp y quân đội có các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định pháp y theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y;

+ Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp y theo quy định của Bộ Quốc phòng;

+ Tổng kết, báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp về tổ chức hoạt động giám định pháp y trong quân đội theo định kỳ hàng năm; đồng thời gửi báo cáo về Viện pháp y quốc gia;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Trung tâm Giám định pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an: Là đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Trung tâm Giám định pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự có các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định pháp y theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Thứ hai, tổ chức giám định pháp y tâm thần ở cấp trung ương:

- Viện Pháp y tâm thần trung ương thuộc Bộ Y tế: Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Y tế. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Viện Pháp y tâm thần trung ương có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định pháp y tâm thần theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Xây dựng quy chuẩn giám định pháp y tâm thần trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

+ Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức, hướng dẫn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ pháp y tâm thần;

+ Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra nghiệp vụ pháp y tâm thần đối với các tổ chức giám định pháp y tâm thần trong toàn quốc theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y tâm thần;

+ Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp y tâm thần theo quy định của Bộ Y tế;

+ Tổng kết, báo cáo Bộ Y tế, Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định pháp y tâm thần theo định kỳ hàng năm; đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định pháp y tâm thần;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa: Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Y tế, được thành lập trên cơ sở Phân viện phía Nam thuộc Viện Pháp y tâm thần Trung ương, Bộ Y tế. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Viện Pháp Y tâm thần Trung ương Biên Hòa có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định pháp y tâm thần theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y tâm thần;

+ Kiểm tra hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ pháp y tâm thần cho các Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ;

+ Phối hợp với Viện Pháp y tâm thần Trung ương xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn giám định pháp y tâm thần; chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ về giám định pháp y tâm thần;

+ Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp y tâm thần theo quy định của Bộ Y tế;

+ Thực hiện công tác báo cáo thống kê về tổ chức, hoạt động của các Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thuộc Bộ Y tế: Là các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Y tế, bao gồm Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc (đặt tại Phú Thọ); Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền Trung (đặt tại Thừa Thiên Huế); Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh); Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên (đặt tại Đắk Lắk) và Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ (đặt tại Cần Thơ). Bộ Y tế sẽ có những quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực giám định tư pháp của từng trung tâm, nhưng cơ bản dựa trên những chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định pháp y tâm thần theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y tâm thần;

+ Báo cáo Bộ Y tế về tổ chức, hoạt động giám định pháp y tâm thần, đồng thời gửi báo cáo về Viện Pháp y tâm thần Trung ương theo định kỳ hàng năm;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Thứ ba, tổ chức giám định kỹ thuật hình sự ở cấp trung ương:

- Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an: Là đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân. Trong trong lĩnh vực giám định tư pháp, Viện Khoa học hình sự có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định kỹ thuật hình sự và pháp y theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Xây dựng quy chuẩn giám định kỹ thuật hình sự trình Bộ trưởng Bộ Công an ban hành;

+ Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức, hướng dẫn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật hình sự;

+ Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra nghiệp vụ kỹ thuật hình sự đối với các tổ chức giám định kỹ thuật hình sự trong toàn quốc theo quy định của Bộ Công an.

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành kỹ thuật hình sự và pháp y;

+ Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về kỹ thuật hình sự và pháp y theo quy định của Bộ Công an;

+ Tổng kết, báo cáo Bộ Công an, Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định kỹ thuật hình sự; tổng kết, báo cáo Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động pháp y trong ngành Công an theo định kỳ hàng năm, đồng thời gửi Viện pháp y quốc gia; đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám định kỹ thuật hình sự và pháp y;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Phòng Giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng:
Là đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Quân đội nhân dân. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Phòng Giám định kỹ thuật hình sự có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định kỹ thuật hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành kỹ thuật hình sự;

+ Tổng kết, báo cáo Bộ Quốc phòng về tổ chức, hoạt động kỹ thuật hình sự theo định kỳ hàng năm, đồng thời gửi báo cáo về Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Thứ tư, tổ chức giám định tư pháp công lập ở cấp địa phương (Bao gồm các tổ chức giám định pháp y và giám định kỹ thuật hình sự, ở cấp địa phương không có tổ chức giám định pháp y tâm thần):

- Trung tâm Pháp y cấp tỉnh: Là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Trung tâm pháp y cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định pháp y theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành pháp y;

+ Báo cáo Sở Y tế, Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định pháp y trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm, đồng thời gửi báo cáo về Viện Pháp y quốc gia;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh: Là đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân, trực thuộc Công an cấp tỉnh. Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Phòng Kỹ thuật hình sự có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

+ Thực hiện giám định kỹ thuật hình sự theo quy định của pháp luật tố tụng và Luật giám định tư pháp;

+ Nghiên cứu khoa học về chuyên ngành kỹ thuật hình sự;

+ Báo cáo Công an tỉnh, Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định kỹ thuật hình sự; báo cáo Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Viện Pháp y quốc gia về giám định pháp y tử thi theo định kỳ hàng năm; đồng thời gửi báo cáo về Viện Khoa học hình sự;

+ Các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

+ Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh có giám định viên pháp y thực hiện giám định pháp y tử thi.

Chức năng và nhiệm vụ của các tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác sẽ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong từng lĩnh vực quy định cụ thể khi thành lập.

Quyền, nghĩa vụ của tổ chức giám định tư pháp công lập⁽¹⁾

Khi được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định tư pháp, các tổ chức giám định tư pháp công lập có những quyền cụ thể sau:

- Yêu cầu người trưng cầu, người yêu cầu giám định cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc giám định;
- Từ chối thực hiện giám định nếu không có đủ điều kiện cần thiết phục vụ cho việc thực hiện giám định;
- Được nhận tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trả kết quả giám định.

Bên cạnh đó, các tổ chức giám định tư pháp công lập còn phải đảm bảo được các nghĩa vụ như:

- Tiếp nhận và phân công người có khả năng chuyên môn phù hợp với nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định thuộc tổ chức mình thực hiện giám định và chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó; phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định trong trường hợp cần có nhiều người thực hiện vụ việc giám định;
- Bảo đảm trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định;

⁽¹⁾ Theo quy định tại Điều 24, Luật Giám định tư pháp

- Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định do mình phân công cố ý kết luận giám định sai, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức;

- Thông báo cho người trưng cầu, yêu cầu giám định bằng văn bản trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định và nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối nhận trưng cầu, yêu cầu giám định.

Ngoài ra, tổ chức giám định tư pháp công lập còn có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng khi tham gia vào hoạt động tố tụng; các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức giám định tư pháp công lập sẽ không được thực hiện giám định tư pháp trong các trường hợp sau đây: Tổ chức giám định tư pháp có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng; Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng tổ chức này có thể không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định.

b. Văn phòng Giám định tư pháp⁽¹⁾

Văn phòng giám định tư pháp là tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, được thành lập trong lĩnh vực tài chính,

⁽¹⁾ Tính đến thời điểm đầu năm 2018, ở Việt Nam chỉ có 1 Văn phòng giám định tư pháp, đó là Văn phòng giám định tư pháp Sài Gòn, hoạt động giám định trong lĩnh vực tài chính, được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cho phép thành lập và hoạt động từ tháng 10/2014.

ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả. Đây là tổ chức giám định tư pháp chuyên trách theo mô hình xã hội hóa được thể chế hóa theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 2/6/2005. Việc ra đời các văn phòng giám định tư pháp là bước tiến mới trong tiến trình nâng cao chất lượng tố tụng; giúp người dân có thể chủ động thực hiện giám định để tạo lập và cung cấp chứng cứ hữu hiệu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Văn phòng giám định tư pháp có thể được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân (trong trường hợp do 1 giám định viên tư pháp thành lập) hoặc hình thức công ty hợp danh (trường hợp do 2 giám định viên tư pháp trở lên thành lập, thành viên hợp danh cũng phải là giám định viên tư pháp)⁽¹⁾. Văn phòng giám định tư pháp có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp không chỉ phải tuân thủ theo quy định của Luật Giám định tư pháp về lĩnh vực chuyên môn, mà còn phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan về hoạt động doanh nghiệp.

Khi tham gia vào lĩnh vực giám định tư pháp, Văn phòng giám định tư pháp có những quyền, nghĩa vụ sau đây:

⁽¹⁾ Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng không được thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

- Về quyền:

+ Thuê giám định viên tư pháp và nhân viên làm việc cho Văn phòng;

+ Thu chi phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện dịch vụ giám định ngoài tổ tụng theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức;

+ Được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

- Về nghĩa vụ phải thực hiện:

+ Niêm yết công khai chi phí giám định tư pháp;

+ Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động thuộc Văn phòng theo quy định của pháp luật;

+ Chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, thống kê; chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra;

+ Báo cáo Sở Tư pháp và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo định kỳ hàng năm;

+ Nộp lệ phí đăng ký hoạt động theo mức lệ phí đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, khi được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định, Văn phòng giám định tư pháp còn có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ như các tổ chức giám định tư pháp khác⁽¹⁾; các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng khi tham gia vào hoạt động tố tụng; các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan.

c. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là cơ quan, tổ chức đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc yêu cầu của người có quyền yêu cầu giám định.

Người đứng đầu tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có trách nhiệm tiếp nhận quyết định trưng cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc văn bản yêu cầu của người có quyền yêu cầu giám định; phân công người giám định tư pháp có đủ điều kiện, cũng như năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu cần giám định thực hiện giám định tư pháp và tạo điều kiện thuận lợi để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định pháp luật. Riêng đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân

⁽¹⁾ Các quyền, nghĩa vụ này được quy định tại Điều 24, Luật Giám định tư pháp.

cấp tỉnh chỉ thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của người trưng cầu giám định, không thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của người có quyền yêu cầu giám định.

Để được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phải đảm bảo được những điều kiện sau:

- Là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, như: các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành, Viện khoa học, doanh nghiệp... Tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức được xác định theo quy định của pháp luật dân sự và các quy định khác có liên quan.

- Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định. Lĩnh vực chuyên môn hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thường mang tính đặc thù, không thường xuyên, như: tài chính, ngân hàng, xây dựng, văn hóa, kỹ thuật xe...

- Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phải có cán bộ cơ hữu có trình độ chuyên môn về lĩnh vực giám định theo trưng cầu hoặc yêu cầu và đủ các tiêu chuẩn của người giám định tư pháp theo vụ việc; cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện sử dụng đáp ứng được yêu cầu quy chuẩn giám định của từng lĩnh vực cụ thể.

- Được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn, lập và đăng tải danh sách trên các cổng thông tin điện tử.

Danh sách các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý công bố trước ngày 30 tháng 11 hàng năm và phải có đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định (Tên tổ chức; số quyết định thành lập; ngày, tháng, năm thành lập; địa chỉ tổ chức; lĩnh vực chuyên môn; kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp) để tạo điều kiện thuận lợi cho người trưng cầu hoặc yêu cầu giám định có thể lựa chọn được tổ chức giám định phù hợp. Trong trường hợp đặc biệt, cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể trưng cầu các tổ chức chuyên môn có đủ các điều kiện nêu trên nhưng không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định, nhưng phải nêu rõ lý do của việc trưng cầu này; đối với trường hợp này, khi nhận được quyết định trưng cầu, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định có trách nhiệm giới thiệu tổ chức có đủ điều kiện để thực hiện giám định theo trưng cầu.

Khi được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc còn có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ như các tổ chức giám định tư pháp khác.

IV. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với người giám định tư pháp

Đây là nhóm các hành vi bị nghiêm cấm đối với các cá nhân, tổ chức giám định tư pháp như: giám định viên

tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Thứ nhất, từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng.

Từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp không có lý do chính đáng là hành vi của người giám định tư pháp không nhận xét, đánh giá bằng văn bản về đối tượng giám định theo nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định sau khi hết thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn thỏa thuận với người yêu cầu giám định mà không có lý do chính đáng.

Một vấn đề mang tính nguyên tắc trong hoạt động giám định tư pháp, đó là: khi các cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định đã đồng ý tiếp nhận và thực hiện giám định thì họ phải đưa ra kết luận giám định, trừ những trường hợp vì lý do bất khả kháng, do những trở ngại khách quan (bị bệnh, tai nạn, công tác đột xuất, thiên tai, hỏa hoạn...) mà không thể đưa ra kết luận được. Do đó, hành vi từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng không chỉ vi phạm các nguyên tắc khi thực hiện giám định, vi phạm nghĩa vụ của người giám định tư pháp, trong một số trường hợp, hành vi này còn gây khó khăn, thậm chí là “ách tắc” trong việc giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính hay các vụ việc dân sự của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đây là hành vi vi phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực hoạt động tư pháp, hoạt động tố tụng cần phải được xử lý nghiêm minh.

Người giám định tư pháp thực hiện hành vi vi phạm này, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với mức phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 17, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, ngày 24/9/2013, của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi là Nghị định số 110/2013/NĐ-CP) hoặc có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu theo quy định tại Điều 383, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thứ hai, cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật là hành vi của người giám định tư pháp đưa ra kết luận về đối tượng giám định không đúng với sự thật khách quan, trái ngược với kết quả giám định làm thay đổi bản chất của vấn đề được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định.

Nội dung kết luận về đối tượng giám định sai sự thật có thể theo hướng có lợi hoặc không có lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan. Với việc làm thay đổi bản chất của vấn đề được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định sẽ dẫn đến hậu quả làm sai lệch kết quả hoạt động tố tụng, bất luận với động cơ, mục đích gì đều làm phương hại đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức có liên quan.

Người giám định tư pháp thực hiện hành vi vi phạm này, tùy tính chất, mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 17, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối theo quy định tại Điều 382, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thứ ba, cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp.

Cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp là hành vi của người giám định tư pháp cố ý kéo dài thời hạn giám định mà pháp luật quy định hoặc thời hạn thỏa thuận với người yêu cầu giám định mặc dù có đủ thời gian thực hiện giám định.

Thực hiện giám định tư pháp theo đúng thời hạn là nghĩa vụ của người giám định tư pháp, nghĩa vụ này không chỉ được quy định trong Luật Giám định tư pháp, mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật tố tụng. Người giám định tư pháp có thể kéo dài thời gian thực hiện giám định trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định, nhưng phải thông báo kịp thời cho người trưng cầu, yêu cầu giám định biết. Như vậy, được coi là cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định, tức là khi hết thời hạn mà pháp luật quy định hoặc thời hạn thỏa thuận với người yêu cầu giám định mà người giám định không

đưa ra được kết luận giám định nhưng lại không thông báo cho người trưng cầu, yêu cầu giám định biết lý do hoặc có thông báo nhưng không kịp thời (khi có phản ánh của người trưng cầu, yêu cầu thì mới thông báo) hoặc đưa ra những lý do không chính đáng (không phải là những lý do bất khả kháng, mang tính khách quan) để kéo dài thời gian giám định.

Tùy vào tính chất, mức độ vi phạm, người giám định tư pháp thực hiện hành vi này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 17, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP.

Thứ tư, lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi.

Lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi là hành vi của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp sử dụng chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động giám định như là một công cụ, phương tiện để thu lợi bất hợp pháp.

Bản chất của hành vi vi phạm này là cá nhân, tổ chức giám định tư pháp đã sử dụng chức năng, nhiệm vụ được giao trong hoạt động giám định để thu lợi bất hợp pháp bằng các hành vi cụ thể, như: sử dụng thông tin, tài liệu được tiếp xúc trong quá trình thực hiện giám định để đưa ra những thông tin gian dối hoặc đe dọa, ép buộc những cá nhân, tổ chức liên quan để nhận tiền, tài sản hoặc các lợi ích khác từ họ; lợi dụng tư cách tổ chức giám định, giám định viên hoặc việc tham gia hoạt động giám định để tác động,

gây ảnh hưởng đến các tổ chức, cá nhân có liên quan vì những lợi ích bất hợp pháp... Đây là hành vi vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động giám định tư pháp, hành vi này không chỉ xâm phạm đến quyền và lợi ích của người khác mà còn ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân, tổ chức giám định.

Người giám định tư pháp thực hiện hành vi này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 17, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm về chức vụ theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thứ năm, tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp.

Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp là hành vi của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp để lộ những thông tin liên quan đến hoạt động giám định mà mình thực hiện khi chưa có sự đồng ý của người đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định.

Hành vi vi phạm đa dạng, có thể bằng lời nói (thông qua các bài phát biểu, các buổi nói chuyện, tọa đàm, chia sẻ...); chữ viết (viết bài đăng tải trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên các trang mạng xã hội...) hoặc để cho người không có trách nhiệm đọc, sao chép những thông tin cần giữ bí mật... Thông tin bị tiết lộ có thể là các thông tin trong các tài liệu do người trưng cầu, yêu cầu giám định

cung cấp; kết luận về đối tượng giám định hoặc nội dung các kết luận chuyên môn có liên quan đến cá nhân, tổ chức khác...

Hành vi tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp không chỉ vi phạm nghĩa vụ của người giám định khi thực hiện giám định trong hoạt động giám định tư pháp (quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 23, Luật Giám định tư pháp), mà còn vi phạm nghĩa vụ của người tham gia tố tụng trong hoạt động tố tụng (quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 68, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm e, khoản 1, Điều 80, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm e, khoản 2, Điều 63, Luật Tố tụng hành chính năm 2015). Do đó, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm, về tính chất bí mật của thông tin bị tiết lộ, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 17, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP; cá nhân vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 337, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc Điều 361, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội cố ý làm lộ bí mật công tác.

2. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với cá nhân khác

Đây là nhóm các hành vi bị nghiêm cấm đối với người trung cầu giám định, người yêu cầu giám định hoặc bất kỳ cá nhân nào. Những hành vi này xâm phạm đến quyền của người giám định tư pháp, cũng như ảnh hưởng đến tính khách quan của các kết luận giám định.

Thứ nhất, xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

Xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật là hành vi của bất kỳ người nào tác động đến tư tưởng, ý chí của người giám định tư pháp để họ đưa ra kết luận giám định tư pháp không đúng sự thật.

Người vi phạm có thể thực hiện nhiều thủ đoạn khác nhau để tác động đến tư tưởng, ý chí của người giám định tư pháp như: dùng lời nói để kích động, dụ dỗ, thúc đẩy; dùng lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất để mua chuộc; đe dọa, uy hiếp về mặt tinh thần làm cho người giám định tư pháp lệ thuộc vào ý chí của mình..., từ đó yêu cầu họ đưa ra kết luận giám định tư pháp không đúng sự thật.

Hành vi này xâm phạm đến quyền "*độc lập khi đưa ra kết luận giám định*" được Luật Giám định tư pháp quy định, vì vậy, hành vi này cần phải được nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc nếu vi phạm để đảm bảo các kết luận giám định được đưa ra một cách khách quan.

Tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 16, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP hoặc bị xử lý hình sự về tội mua chuộc

hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu được quy định tại Điều 384, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Thứ hai, can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp là hành vi của bất kỳ người nào làm cho người giám định tư pháp không thể thực hiện đầy đủ quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình trong quá trình thực hiện giám định tư pháp.

Người vi phạm có thể lợi dụng ảnh hưởng của mình hoặc dùng thủ đoạn khác (ép buộc, đe dọa...) để yêu cầu người giám định làm theo ý chí chủ quan của mình trong quá trình thực hiện giám định tư pháp. Ví dụ như: Can thiệp vào việc lựa chọn phương pháp, sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện để tiến hành giám định...; dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác (lãng mạ, bôi nhọ, vu khống...) để ngăn cản, gây khó khăn cho người giám định thực hiện nhiệm vụ giám định...

Người can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp có thể bị xử lý hình sự về tội chống người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 330, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Chương 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

I. TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Khái niệm

Trong lĩnh vực tố tụng, trưng cầu giám định được xác định là một hoạt động tố tụng, do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ, phục vụ cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Tuy nhiên, với đối tượng, phạm vi điều chỉnh, vai trò, nhiệm vụ khác nhau, cách tiếp cận khái niệm trưng cầu giám định dưới góc độ của Luật Giám định tư pháp cũng có sự khác nhau. Theo đó, trong lĩnh vực giám định tư pháp, trưng cầu giám định tư pháp được hiểu là là hoạt động của người trưng cầu giám định yêu cầu cơ quan, tổ chức giám định tư pháp kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến

hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

2. Các trường hợp trưng cầu giám định

Người trưng cầu giám định ra quyết định trưng cầu giám định trong trường hợp khi cần xác định:

- Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án;

- Tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó;

- Nguyên nhân chết người;

- Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động;

- Chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ;

- Mức độ ô nhiễm môi trường.

Đây là những trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định trong tố tụng hình sự⁽¹⁾. Trong lĩnh vực tố tụng dân sự,

⁽¹⁾ Căn cứ theo quy định tại Điều 206, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

tổ tụng hành chính, Thẩm phán được phân công xét xử vụ án hành chính, vụ việc dân sự ra quyết định trưng cầu giám định khi có yêu cầu của đương sự (yêu cầu của đương sự có thể được Tòa án chấp nhận hoặc không chấp nhận) hoặc khi xét thấy cần thiết. Như vậy, pháp luật tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính không quy định các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định.

Trong một số trường hợp khi xét thấy cần thiết, người trưng cầu giám định sẽ ra quyết định trưng cầu giám định. Đây là những trường hợp mà kết quả giám định sẽ là chứng cứ quan trọng cho việc giải quyết vụ án, vụ việc. Tùy thuộc vào từng vụ án, vụ việc cụ thể, sẽ xác định những trường hợp cần thiết phải giám định. Ví dụ: Khi cần xác định chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của tài sản, hàng hóa, hàng giả, hàng thật, hàng cấm; Khi cần truy nguyên về tài liệu, đồ vật, chữ ký, chữ viết, con dấu, dấu vết, dữ liệu điện tử; Khi cần xác định tính chính xác của các dụng cụ cân, đo, đong, đếm và các máy móc, thiết bị khác; Khi cần xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế, tài chính, kế toán, bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, đất đai, tài nguyên, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và các lĩnh vực khác khi xét thấy cần thiết...⁽¹⁾

⁽¹⁾ Xem Thông tư số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP, ngày 13/12/2017, quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế.

3. Trình tự, thủ tục trưng cầu giám định

Căn cứ vào yêu cầu cần giám định, khi trưng cầu giám định, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu đích danh cá nhân hoặc các tổ chức giám định tư pháp để tiến hành giám định. Đối với người giám định tư pháp và các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được trưng cầu phải có trong danh sách đã được công bố hằng năm của các cơ quan có thẩm quyền; trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do.

Người trưng cầu giám định quyết định trưng cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định và tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định. Quyết định trưng cầu giám định là cơ sở pháp lý để cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu tiến hành giám định. Quyết định trưng cầu giám định phải có đủ các nội dung sau:

- Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;
- Tên tổ chức; họ tên người được trưng cầu giám định;
- Tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định;
- Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

- Nội dung yêu cầu giám định;
- Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.

Trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại thì quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại⁽¹⁾.

Luật Giám định tư pháp không quy định về thời điểm giao quyết định trưng cầu giám định cho cá nhân, tổ chức giám định được trưng cầu. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chất nhanh chóng, kịp thời trong giải quyết các vụ án hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có quy định: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan trưng cầu giám định phải giao hoặc gửi quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; gửi quyết định trưng cầu giám định cho Viện Kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra⁽²⁾. Trong các quy định về tố tụng dân sự, tố tụng hành chính không quy định về thời điểm giao quyết định trưng cầu giám định cho cá nhân, tổ chức giám định được trưng cầu.

⁽¹⁾ Mẫu các quyết định trưng cầu giám định trong tố tụng hình sự của Cơ quan điều tra: Quyết định trưng cầu giám định (mẫu số 152); Quyết định trưng cầu giám định bổ sung (mẫu số 153); Quyết định trưng cầu giám định lại (mẫu số 153) được ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017TT-BCA của Bộ Công an, ngày 14/12/2017, quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự.

⁽²⁾ Quy định tại khoản 3, Điều 205, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp khi nhận được quyết định trưng cầu giám định

Khi nhận được quyết định trưng cầu giám định, tổ chức giám định được trưng cầu có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người có khả năng chuyên môn phù hợp với nội dung trưng cầu giám định thuộc tổ chức mình thực hiện giám định và chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó; phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định trong trường hợp cần có nhiều người thực hiện vụ việc giám định.

Trong trường hợp trưng cầu người giám định, tổ chức giám định theo vụ việc nằm ngoài danh sách đã công bố, thì bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định có trách nhiệm giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giám định để thực hiện yêu cầu của người trưng cầu.

Cá nhân được trưng cầu có trách nhiệm thực hiện giám định theo đúng nội dung trưng cầu của người trưng cầu hoặc theo sự phân công của tổ chức được trưng cầu.

Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải từ chối thực hiện giám định theo trưng cầu nếu thuộc các trường hợp sau đây:

- Cá nhân được trưng cầu thuộc một trong các trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi;

- Cá nhân được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ án, vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng;

Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu phải thông báo cho người trưng cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

II. YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG VỤ VIỆC DÂN SỰ, VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ ÁN HÌNH SỰ

1. Khái niệm

Trong lĩnh vực tố tụng, yêu cầu giám định là quyền của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Trong một số trường hợp, họ được thực hiện quyền này để thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong các vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Còn trong lĩnh vực giám định tư pháp, yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự được hiểu là hoạt động của người yêu cầu giám định, yêu cầu cơ quan, tổ chức giám định tư pháp

kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự.

2. Các trường hợp người yêu cầu giám định tư pháp không có quyền tự mình yêu cầu giám định

Người yêu cầu giám định tư pháp không được quyền yêu cầu giám định trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, về nội dung yêu cầu giám định: Với mục đích thu thập chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giám định, nội dung yêu cầu giám định thường là những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong các vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính; còn đối với yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự (giám định tình trạng tâm thần, giám định tuổi của bị can, bị cáo...) thì họ không được yêu cầu⁽¹⁾. Quy định này vừa đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vừa đảm bảo được nguyên tắc xác định sự thật của vụ án trong hoạt động tố tụng hình sự.

Thứ hai, về cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được yêu cầu giám định: Đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của

⁽¹⁾ Căn cứ vào nội dung quy định tại khoản 3, Điều 2, Luật Giám định tư pháp.

người trưng cầu giám định, không thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của người có quyền yêu cầu giám định⁽¹⁾. Như vậy, người yêu cầu giám định sẽ không được yêu cầu các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám định. Ngoài ra, Luật Giám định tư pháp không cho phép người yêu cầu giám định có thể yêu cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện để thực hiện giám định tư pháp nhưng không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định⁽²⁾.

Thứ ba, về thời điểm yêu cầu giám định: Trước khi yêu cầu giám định, người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Quyền tự mình yêu cầu giám định chỉ được thừa nhận khi người yêu cầu giám định thực hiện quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định nhưng không được chấp nhận. Đây là một thủ tục mang tính chất bắt buộc để người yêu cầu giám định có thể thực hiện quyền yêu cầu giám định của mình. Như vậy, về mặt nguyên tắc, người yêu cầu giám định sẽ không được quyền yêu cầu giám định nếu như trước đó chưa có yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định và sau khi Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm hoặc quyết định mở phiên họp

⁽¹⁾ Căn cứ vào nội dung quy định tại khoản 3, Điều 19, Luật Giám định tư pháp.

⁽²⁾ Căn cứ vào nội dung quy định tại khoản 2, Điều 20, Luật Giám định tư pháp.

giải quyết việc dân sự, thì người yêu cầu giám định sẽ không được quyền yêu cầu giám định nữa⁽¹⁾.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu giám định

Khi nhận được văn bản yêu cầu trưng cầu giám định, trong vòng 7 ngày, nếu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu giám định biết. Khi nhận được thông báo từ chối trưng cầu giám định hoặc hết thời hạn nói trên, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định.

Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định, các tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) và bản sao giấy tờ chứng minh mình là đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

Văn bản yêu cầu giám định phải có các nội dung chính sau đây:

- Tên tổ chức hoặc họ tên người yêu cầu giám định;
- Nội dung yêu cầu giám định;
- Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

⁽¹⁾ Căn cứ vào nội dung quy định tại khoản 4, Điều 22, Luật Giám định tư pháp; khoản 1, Điều 102, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1, Điều 89, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Ngày tháng năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;

- Chữ ký, họ tên người yêu cầu giám định.

4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp khi nhận được văn bản yêu cầu giám định

Khi nhận được văn bản yêu cầu giám định, tổ chức giám định được yêu cầu có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người có khả năng chuyên môn phù hợp với nội dung yêu cầu giám định thuộc tổ chức mình thực hiện giám định và chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó; phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định trong trường hợp cần có nhiều người thực hiện vụ việc giám định.

Cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu của người yêu cầu hoặc theo sự phân công của tổ chức được yêu cầu.

Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải từ chối thực hiện giám định theo yêu cầu nếu thuộc các trường hợp sau đây:

- Cá nhân được yêu cầu thuộc một trong các trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi;

- Tổ chức giám định tư pháp được yêu cầu có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng;

Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định yêu cầu giám định, cá nhân, tổ chức giám định được yêu cầu phải thông báo cho người người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. GIÁM ĐỊNH CÁ NHÂN, GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ

1. Giám định cá nhân

Giám định cá nhân là việc giám định do 1 người thực hiện. Đây là một cơ chế giám định trong hoạt động giám định tư pháp, việc tiến hành giám định được thực hiện bởi 1 giám định viên tư pháp (có thể có trợ lý giám định trong quá trình thực hiện giám định).

Luật Giám định tư pháp và các văn bản pháp luật về tố tụng khác không quy định trường hợp nào phải tiến hành giám định cá nhân hay giám định tập thể. Việc xác định cơ chế giám định nào sẽ được quy định trong các văn bản hướng dẫn ở từng lĩnh vực giám định hoặc tùy vào nội dung trung cầu, yêu cầu của từng trường hợp cụ thể; cũng như trên cơ sở đánh giá trình độ, năng lực và khả năng tiến hành giám định của người giám định, người đứng đầu tổ chức giám định được trung cầu, yêu cầu sẽ quyết định cơ chế giám định cho phù hợp và đảm bảo yêu cầu đặt ra.

Thông thường, giám định cá nhân được tiến hành đối với những trung cầu, yêu cầu giám định về một lĩnh vực

chuyên môn đơn giản, quy trình ít phức tạp. Ví dụ: giám định ethanol trong máu; giám định methanol trong máu; giám định ketamin trong dịch sinh học; giám định methamphetamin trong dịch sinh học; giám định morphin trong dịch sinh học; giám định dấu vết đường vân; giám định chữ viết, chữ ký...

Đối với trường hợp giám định cá nhân, giám định viên được phân công tự mình lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu giám định; chủ động sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định và độc lập đưa ra kết luận giám định. Giám định viên ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó.

2. Giám định tập thể

Giám định tập thể là giám định do 2 người trở lên thực hiện. Đây là một cơ chế giám định trong hoạt động giám định tư pháp, việc tiến hành giám định được tiến hành bởi 2 giám định viên tư pháp trở lên.

Giám định tập thể thường được lựa chọn sử dụng trong những trường hợp trung cầu, yêu cầu giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau hoặc về

một lĩnh vực chuyên môn nhưng có quy trình giám định phức tạp, cần có ý kiến của nhiều chuyên gia⁽¹⁾.

Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực chuyên môn thì những người giám định cùng thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó; nếu có ý kiến khác thì giám định viên ghi ý kiến của mình vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về ý kiến đó.

Trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần kết luận giám định đó.

IV. GIÁM ĐỊNH LẦN ĐẦU, GIÁM ĐỊNH BỔ SUNG, GIÁM ĐỊNH LẠI

1. Giám định lần đầu

Giám định lần đầu là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học,

(1) Trong tổng số 93 quy trình giám định pháp y, giám định hóa pháp, giám định ADN được quy định tại Thông tư số 47/2013/TT-BYT, ngày 31/12/2013, của Bộ Y tế, ban hành quy trình giám định pháp y, có đến 88 quy trình được tiến hành bằng hình thức giám định tập thể (do 2 giám định viên thực hiện), chỉ có 5 quy trình được tiến hành giám định bằng hình thức giám định cá nhân.

Đối với giám định pháp y tâm thần, tại Thông tư số 18/2015/TT-BYT, ngày 14/7/2015, ban hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần xác định: "Mỗi trường hợp giám định pháp y tâm thần thông thường có 3 giám định viên tham gia. Trường hợp phức tạp, có khó khăn trong việc xác định bệnh cũng như đánh giá năng lực hành vi thì có thể có 5 giám định viên tham gia. Trường hợp giám định lại lần thứ hai, có tính chất phức tạp, có sự tham gia của nhiều chuyên khoa khác nhau thì có thể mời thêm chuyên gia về giám định pháp y tâm thần, nhưng tổng số không quá 9 người/1 ca giám định".

kỹ thuật, nghiệp vụ để đưa ra kết luận lần đầu tiên về một hoặc một số vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.

Giám định lần đầu phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục về trưng cầu giám định hoặc yêu cầu giám định (về chủ thể trưng cầu, yêu cầu giám định; cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu...) và được tiến hành bằng cơ chế giám định cá nhân hoặc giám định tập thể. Nội dung kết luận giám định lần đầu có thể được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng sử dụng làm chứng cứ chứng minh hoặc được tiến hành giám định bổ sung, giám định lại khi có các căn cứ theo quy định của Luật Giám định tư pháp.

2. Giám định bổ sung

Giám định bổ sung là việc cá nhân, tổ chức giám định tư pháp tiến hành bổ sung, làm rõ thêm một số vấn đề hoặc kết luận về những vấn đề mới có liên quan đến nội dung đã kết luận giám định trước đó (kết luận giám định lần đầu) theo trưng cầu của người trưng cầu giám định hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.

Cơ sở để người giám định tư pháp tiến hành giám định bổ sung là phải có quyết định trưng cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định bổ sung của người trưng cầu hoặc yêu cầu

giám định. Người được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định bổ sung chỉ được tiến hành giám định trong phạm vi nội dung trưng cầu, yêu cầu bổ sung, tuyệt đối không được giám định lại những nội dung đã kết luận giám định trước đó.

Người trưng cầu, yêu cầu giám định quyết định hoặc yêu cầu giám định bổ sung trong các trường hợp sau đây:

- Nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ: Đây là trường hợp nội dung kết luận giám định trước đó chưa được rõ ràng, người giám định đưa ra những kết luận mang tính chung chung, chưa cụ thể về đối tượng giám định hoặc không kết luận đầy đủ hết các nội dung theo trưng cầu hoặc yêu cầu giám định. Tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu giải quyết vụ án, vụ việc, người trưng cầu hoặc yêu cầu giám định sẽ đánh giá tính rõ ràng, đầy đủ của nội dung kết luận giám định trước đó để quyết định việc giám định bổ sung.

- Khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó: Đây là trường hợp nội dung kết luận giám định trước đó đã rõ ràng và đầy đủ theo yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định, nhưng cần làm rõ thêm một số vấn đề khác hoặc những vấn đề mới phát sinh, giúp cho việc giải quyết vụ án, vụ việc được khách quan, toàn diện.

Trình tự, thủ tục, cũng như các quy định khác về việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung sẽ được thực hiện theo quy định chung của hoạt động trưng cầu giám định, yêu cầu giám định. Người trưng cầu hoặc yêu cầu giám định

có thể trưng cầu, yêu cầu bất kể cá nhân, tổ chức giám định nào theo quy định của pháp luật để tiến hành giám định bổ sung, kể cả cá nhân, tổ chức giám định đã tham gia giám định trước đó.

Kết luận giám định bổ sung không có ý nghĩa thay thế cho kết luận giám định trước đó mà để làm rõ hơn, đầy đủ hơn vấn đề đã được kết luận hoặc bổ sung thêm kết luận về những vấn đề mới phát sinh liên quan đến vụ án, vụ việc. Kết luận giám định bổ sung và kết luận giám định trước đó đều có giá trị về mặt pháp lý như nhau trong việc giải quyết vụ án, vụ việc.

3. Giám định lại

Giám định lại là việc cá nhân, tổ chức giám định tư pháp tiến hành giám định lại một phần hoặc toàn bộ các vấn đề trong nội dung kết luận giám định lần đầu theo trưng cầu của người trưng cầu giám định.

- *Giám định lại lần thứ nhất:* Được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác.

Người trưng cầu giám định cần đánh giá nội dung kết luận giám định lần đầu một cách khách quan toàn diện, đầy đủ chính xác và bình đẳng trong mối liên quan của nhiều chứng cứ khác mà cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập được nhằm khẳng định tính hợp pháp,

giá trị chứng minh của kết luận giám định. Từ đó xác định những nội dung kết luận giám định không chính xác để tự mình quyết định trưng cầu giám định lại.

Người yêu cầu giám định có quyền yêu cầu người trưng cầu giám định có thẩm quyền trưng cầu giám định lại. Trong trường hợp này, người trưng cầu giám định sẽ xem xét đề nghị của người yêu cầu giám định để quyết định việc trưng cầu giám định lại, nếu người trưng cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Để đảm bảo tính khách quan của kết luận giám định lại, việc giám định lại phải do người giám định tư pháp khác thực hiện⁽¹⁾. Điều này đòi hỏi khi quyết định trưng cầu giám định lại, người trưng cầu không được trưng cầu cá nhân giám định đã đưa ra kết luận giám định lần đầu để tiến hành giám định lại. Tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu không được phân công cá nhân đã thực hiện giám định lần đầu để tiến hành giám định lại.

Trường hợp kết luận giám định lại không có sự thay đổi so với kết luận giám định lần đầu, kết luận giám định lại sẽ được thay thế cho kết luận giám định lần đầu và sử dụng như nguồn chứng cứ có giá trị pháp lý trong giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính hay vụ việc dân sự.

⁽¹⁾ Luật Giám định tư pháp không quy định nhưng khoản 1, Điều 211, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có quy định về vấn đề này.

- *Giám định lại lần thứ hai*: Được thực hiện trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại (lần thứ nhất) về cùng một nội dung giám định.

Việc giám định lại lần thứ hai do người trưng cầu giám định quyết định và phải do Hội đồng giám định thực hiện. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập Hội đồng để thực hiện giám định lại lần thứ hai. Hội đồng giám định gồm có ít nhất 3 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể.

Do được tiến hành bởi Hội đồng giám định, với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nên kết luận giám định lần thứ hai có giá trị khoa học cao và thường được sử dụng để làm nguồn chứng cứ trong giải quyết các vụ án hình sự, vụ án hành chính hay vụ việc dân sự.

- *Giám định lại trong trường hợp đặc biệt*: Đây là trường hợp Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định.

Trường hợp đặc biệt ở đây được hiểu là khi có căn cứ cho rằng kết luận giám định của Hội đồng giám định không chính xác, cần thiết phải giám định lại lần nữa.

Trong hoạt động tố tụng hình sự, việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt phải do Hội đồng mới thực hiện, những người đã tham gia giám định trước đó không được giám định lại. Kết luận giám định lại trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụ án⁽¹⁾. Như vậy, kết luận giám định lại trong trường hợp đặc biệt sẽ là kết luận giám định cuối cùng có giá trị pháp lý, là nguồn chứng cứ để giải quyết vụ án hình sự.

V. TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Có thể khẳng định, về mặt nhận thức và thực tiễn đời sống pháp lý, tương trợ tư pháp quốc tế là việc các quốc gia (chủ yếu thông qua Tòa án và các cơ quan tư pháp) giúp đỡ, hỗ trợ cho nhau về các vấn đề tư pháp (bao gồm cả dân sự, hành chính và hình sự) trên cơ sở điều ước quốc tế theo nguyên tắc “có đi có lại”, nhằm đảm bảo việc thi hành pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, công dân và pháp nhân mỗi nước trên lãnh thổ của nhau, thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác quốc tế. Điều đó có nghĩa, thực chất của hoạt động tương trợ tư pháp chính là sự hỗ trợ, giúp đỡ giữa các quốc gia về các vấn đề tư pháp. Các vấn đề tư pháp theo nghĩa hẹp chỉ bao gồm một số hành vi tố tụng riêng biệt, bản chất của vấn đề tương trợ tư pháp là việc hỗ trợ thực hiện các hành vi tố tụng riêng biệt (như thực hiện ủy thác điều tra, thu thập chứng cứ, tổng đạt giấy tờ, giám định

⁽¹⁾ Xem Điều 212, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

tư pháp...). Hiểu theo nghĩa rộng thì bao gồm cả sự bảo hộ pháp lý, giải quyết xung đột pháp luật (lựa chọn pháp luật áp dụng) trong việc thực hiện tương trợ tư pháp quốc tế. Cơ sở pháp lý của việc thực hiện tương trợ tư pháp là điều ước quốc tế (song phương hoặc đa phương) giữa các quốc gia; Nếu không có điều ước quốc tế thì tương trợ tư pháp được thực hiện trên nguyên tắc “có đi có lại” là nguyên tắc phổ biến trong quan hệ quốc tế được nhiều nước áp dụng. Cơ quan thực hiện tương trợ tư pháp, về nguyên tắc đều do pháp luật của mỗi quốc gia quy định, song thông thường là cơ quan tư pháp. Ở Việt Nam, các cơ quan thực hiện tương trợ tư pháp bao gồm: Tòa án (là chủ yếu) và các cơ quan tư pháp khác (Kiểm sát, Công an); Các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền (cả ở trung ương và địa phương) như Ngoại giao, Tư pháp, Ủy ban nhân dân; Các cơ quan hỗ trợ tư pháp như công chứng, giám định, hộ tịch, luật sư. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động tương trợ tư pháp lâu nay ở Việt Nam chủ yếu vẫn do các cơ quan trong các ngành Tòa án, Tư pháp, Công an và Ngoại giao thực hiện là chính. Lĩnh vực tư pháp bao gồm cả dân sự (theo nghĩa rộng, gồm cả hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế - thương mại), hành chính và hình sự (điều tra, thu thập chứng cứ, truy cứu trách nhiệm hình sự, dẫn độ, thi hành án). Mục đích của hoạt động tương trợ tư pháp, xét đến cùng, là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, công dân và pháp nhân của các quốc gia trên lãnh thổ của nhau. Đương nhiên, việc đảm bảo thi hành

pháp luật được coi là mục tiêu cơ bản của hoạt động tương trợ tư pháp, bên cạnh mục tiêu củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác về nhiều mặt giữa các quốc gia hữu quan.

Hoạt động giám định tư pháp là một loại hoạt động hỗ trợ tư pháp, là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Phạm vi nội dung giám định tư pháp là tương đối rộng, đối tượng giám định có thể ở trong hoặc ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lĩnh vực giám định tư pháp rất phong phú, có thể là lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự hoặc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả, điều đó đặt ra yêu cầu mang tính bắt buộc là các chủ thể tiến hành giám định tư pháp phải được hoàn bị về mọi mặt, từ trình độ chuyên môn, tiêu chuẩn chức danh, số lượng Giám định viên đến cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện phục vụ cho việc giám định. Đồng thời, trong bối cảnh thực tiễn hiện nay, thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, tăng cường mở cửa, hội nhập và giao lưu quốc tế ở nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề pháp lý nảy sinh ở Việt Nam chỉ được giải quyết khi

có sự tương trợ giúp đỡ từ các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, lĩnh vực giám định tư pháp cũng không phải là ngoại lệ, chính vì vậy, thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp là vấn đề rất có ý nghĩa cả về mặt chính trị, xã hội, pháp lý lẫn thực tiễn.

Tương trợ tư pháp về giám định tư pháp là thủ tục tư pháp quốc tế, trong đó các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của các quốc gia có liên quan hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong việc thu thập, cung cấp thông tin, chứng cứ, lời khai và các tài liệu khác có liên quan, để điều tra xử lý vụ án hình sự, giải quyết các vụ việc dân sự, các vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài. Theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012, thì khi thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam áp dụng những quy định của điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

Hoạt động tương trợ tư pháp về giám định tư pháp được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Đối với các quốc gia Việt Nam đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp thì tương trợ tư pháp được thực hiện theo các quy định của điều ước quốc tế đó. Đối với các quốc gia mà Nhà nước ta chưa ký kết hiệp định tương trợ tư pháp, chưa ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế

có liên quan thì việc hợp tác quốc tế được thực hiện trên nguyên tắc có đi, có lại không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và pháp luật cũng như tập quán quốc tế.

Nội dung của tương trợ tư pháp về giám định tư pháp phụ thuộc vào yêu cầu tương trợ tư pháp của bên hợp tác tương ứng trên cơ sở điều ước quốc tế ký kết hoặc gia nhập. Thực tiễn ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các nước cho thấy, nội dung tương trợ tư pháp về giám định tư pháp thường nằm trong nội dung tương trợ tư pháp trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm và giải quyết các xung đột về thẩm quyền xét xử các vụ án hành chính, hình sự, vụ việc dân sự. Để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mình, các quốc gia đều dành cho mình quyền được từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp trong những trường hợp nhất định. Thực tiễn tư pháp quốc tế cho thấy, yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp có thể bị từ chối, nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp có thể gây phương hại chủ quyền, an ninh hoặc những lợi ích quan trọng khác cũng như trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật cũng như những cam kết quốc tế của nước nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp. Như vậy, ở Việt Nam có thể hiểu từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp là việc cá nhân, cơ quan có thẩm quyền được

yêu cầu không thực hiện những hành vi tố tụng hoặc hoạt động tố tụng mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước khác yêu cầu. Việc từ chối được thể hiện bằng văn bản và gửi cho cơ quan đã yêu cầu. Việc từ chối có thể được pháp luật quy định là tuyệt đối hoặc tùy nghi. Trong trường hợp tùy nghi, pháp luật quy định cho cá nhân, cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu quyền xem xét để từ chối hay thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước khác. Pháp luật Việt Nam quy định quyền tùy nghi trong từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp, theo đó các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền nước ta có thể từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp trong những trường hợp sau đây:

- Yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp không phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

- Yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp không phù hợp với pháp luật Việt Nam;

- Việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về giám định tư pháp gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ thực tiễn và quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực giám định tư pháp cho thấy, hoạt động tương trợ

tư pháp về giám định tư pháp chỉ được tiến hành khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Thứ nhất, đối tượng cần giám định đang ở nước ngoài. Đối tượng giám định rất đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, cho nên việc tiến hành giám định bởi các cá nhân, tổ chức giám định trong nước không phải lúc nào cũng là phương án khả thi, điều đó có nghĩa để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám định tư pháp, việc giám định tư pháp có thể được tiến hành bởi các cá nhân, tổ chức giám định ở nước ngoài. Theo lẽ tự nhiên, việc trưng cầu, yêu cầu cá nhân tổ chức nước ngoài giám định phải tuân thủ trình tự, thủ tục chặt chẽ do pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan quy định hoặc thể hiện trong điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương. Kết quả của hoạt động giám định tư pháp trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính nếu kết quả đó được tiến hành một cách trung thực, khách quan, chính xác, vô tư, kịp thời, tuân thủ quy chuẩn chuyên môn và trong phạm vi nội dung được yêu cầu.

Thứ hai, khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định. Hiện nay các lĩnh vực giám định ở Việt Nam còn hạn chế, trình độ chuyên môn, năng lực của cá nhân, tổ chức giám định chưa đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới, nhiều Trung tâm Pháp y, Phòng Kỹ thuật hình sự ở địa phương

còn rất thiếu thốn về kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và nhân lực. Ngay cả Viện Pháp y quốc gia đến nay cũng chưa được quan tâm đầu tư, tình trạng thiếu hụt người làm giám định trong các lĩnh vực giám định chuyên trách như pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự, nhất là ở địa phương chưa được khắc phục. Phần lớn đội ngũ người làm giám định tư pháp, nhất là ở những lĩnh vực xây dựng, tài chính, ngân hàng, văn hóa... vừa thiếu, vừa kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu một cách bài bản và có kiến thức pháp lý cần thiết, mà chủ yếu chỉ dựa vào kiến thức chuyên môn thuần túy để làm giám định, nên nhiều trường hợp chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giám định. Việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp, lập và công bố danh sách tổ chức, người giám định tư pháp của nhiều Bộ, ngành và địa phương còn mang tính hình thức, chưa thực sự bảo đảm chất lượng, đặc biệt chưa xuất phát từ nhu cầu thực tế của hoạt động tố tụng. Chính vì vậy, khai thác triệt để hiệu quả của hoạt động tương trợ tư pháp về giám định tư pháp là chìa khóa vạn năng để từng bước tháo gỡ bước đầu những hạn chế, tồn tại nêu trên.

Đồng thời, trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về giám định tư pháp, đặt ra yêu cầu, nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong nước có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước ngoài. Trình tự, thủ tục,

chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

VI. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định

Giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định đúng trình tự, thủ tục sẽ đảm bảo cho hoạt động giám định được tiến hành khách quan, tránh việc mất mát, hư hỏng hoặc sửa chữa hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định, từ đó ảnh hưởng đến kết quả giám định. Cán bộ tiếp nhận trưng cầu hoặc yêu cầu giám định có quyền từ chối tiếp nhận khi hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định không đảm bảo về trình tự, thủ tục khi giao, nhận. Việc giao nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định được tiến hành như sau:

- Hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định qua đường bưu chính. Việc gửi hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định qua đường bưu chính phải được thực hiện theo hình thức gửi dịch vụ có số hiệu. Cá nhân, tổ chức nhận hồ sơ được gửi theo dịch vụ có số hiệu có trách nhiệm bảo quản, khi mở niêm phong phải lập biên bản theo quy định.

- Đối với việc giao, nhận đối tượng giám định pháp y, pháp y tâm thần là con người thì người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định quản lý đối tượng giám định trong quá trình thực hiện giám định.

- Khi việc thực hiện giám định hoàn thành, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định cho người trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định theo quy định của pháp luật. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau khi việc giám định đã hoàn thành có thể trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.

- Mọi trường hợp giao nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định đều phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận phải có nội dung sau đây:

+ Thời gian, địa điểm giao, nhận hồ sơ giám định;

+ Họ, tên người đại diện của bên giao và bên nhận đối tượng giám định;

+ Quyết định trưng cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định; đối tượng cần giám định; tài liệu, đồ vật có liên quan;

+ Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

+ Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

+ Chữ ký của người đại diện bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

2. Thời hạn giám định tư pháp

Thời hạn giám định tư pháp là khoảng thời gian nhất định để người giám định tư pháp tiến hành giám định, được xác định trong nội dung quyết định trưng cầu giám định hoặc văn bản yêu cầu giám định. Trong nội dung quyết định trưng cầu giám định hoặc văn bản yêu cầu giám định có thể xác định thời hạn (từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...) cá nhân, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu phải gửi kết luận giám định cho người trưng cầu, người yêu cầu hoặc ấn định ngày cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải gửi kết luận giám định. Trong khoảng thời gian hoặc khi hết thời hạn được ấn định, cá nhân, tổ chức giám định tư pháp phải đưa ra kết luận giám định nếu không có lý do chính đáng để kéo dài thời gian giám định; đây là nghĩa vụ của người giám định tư pháp khi tiến hành giám định nhằm đảm bảo nguyên tắc kịp thời trong giám định tư pháp. Việc người giám định tư pháp cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp là hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động giám định tư pháp.

Thời hạn giám định tư pháp được tiến hành trong thời gian bao lâu phụ thuộc rất nhiều vào yêu cầu của hoạt động tố tụng. Cho nên, về mặt nguyên tắc, Luật Giám định tư pháp sẽ không quy định cụ thể thời hạn giám định, mà vấn đề này sẽ do pháp luật tố tụng quy định, điều này đảm bảo được

tính liên thông và thống nhất giữa các quy định của pháp luật tố tụng và Luật Giám định tư pháp; phù hợp với yêu cầu giải quyết vụ án hình sự, vụ việc dân sự, vụ án hành chính của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong từng trường hợp cụ thể; qua đó thể hiện được đúng vai trò bổ trợ cho hoạt động tố tụng của giám định tư pháp.

Căn cứ vào quy định của pháp luật tố tụng, thời hạn cụ thể để tiến hành giám định tư pháp được xác định qua hai trường hợp sau đây: Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định và thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp khác được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định.

Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định

Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định chỉ được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự và thời hạn giám định đối với các trường hợp này được quy định cụ thể như sau:

- Thời hạn giám định không quá 3 tháng đối với trường hợp trưng cầu giám định để xác định tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án;

- Thời hạn giám định không quá 1 tháng đối với trường hợp trưng cầu giám định để xác định nguyên nhân chết người hoặc xác định mức độ ô nhiễm môi trường;

- Thời hạn giám định không quá 9 ngày đối với trường hợp trưng cầu giám định để xác định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họ hoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó; xác định tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động; hoặc xác định chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ.

Như vậy, căn cứ vào từng trường hợp trưng cầu giám định, người trưng cầu giám định sẽ xác định thời hạn giám định tương ứng theo quy định trong quyết định trưng cầu giám định. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp khi nhận được nội dung trưng cầu giám định về những trường hợp này cần chú ý thời hạn giám định mà người trưng cầu yêu cầu trong quyết định trưng cầu có đúng với quy định hay chưa, từ đó có những phản hồi kịp thời để người trưng cầu điều chỉnh cho phù hợp. Khi tiến hành giám định cần tuân thủ nghiêm túc thời hạn đã được xác định với tinh thần thực hiện “càng sớm, càng tốt” nhưng phải đảm bảo được yêu cầu về mặt chuyên môn; trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan trưng cầu;

hạn chế kéo dài thời gian giám định mặc dù có lý do chính đáng. Điều này thể hiện được tinh thần tôn trọng nguyên tắc pháp chế trong hoạt động tố tụng, cũng như trong hoạt động giám định tư pháp.

Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp khác được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định

Xét về mặt pháp lý, việc xác định thời hạn giám định đối với các trường hợp khác được trưng cầu hoặc yêu cầu giám định không phải do người trưng cầu, yêu cầu giám định hay cá nhân, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định quyết định, mà cần đòi hỏi phải có sự thống nhất giữa hai bên để xác định một thời hạn phù hợp, vừa đảm bảo được yêu cầu của hoạt động tố tụng, vừa tạo điều kiện thuận lợi nhất về mặt thời gian cho người giám định tư pháp thực hiện giám định.

Để thực hiện được điều này, đòi hỏi người trưng cầu, yêu cầu giám định khi xác định thời hạn giám định cần xem xét đến nhiều yếu tố như nội dung cần giám định; khả năng của người giám định được trưng cầu, yêu cầu; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của tổ chức giám định được trưng cầu, yêu cầu... Ngược lại, khi nhận được quyết định trưng cầu giám định, văn bản yêu cầu giám định, ngoài việc cũng xem xét đến các yếu tố trên để quyết định có nhận tiến hành giám định hay không, người giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu cần phát huy được tinh thần, trách nhiệm của mình, sẵn sàng nhận và hoàn thành việc giám định theo

đúng thời hạn yêu cầu nếu như phù hợp; tránh trường hợp đưa ra những lý do không hợp lý để từ chối giám định vì lo ngại không thể thực hiện giám định đúng thời hạn, trong khi mình có đủ khả năng và điều kiện để tiến hành giám định.

3. Kết luận giám định tư pháp

a. Khái niệm

Kết luận giám định tư pháp là nhận xét, đánh giá bằng văn bản của người giám định tư pháp về đối tượng giám định theo nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định.

Nhiệm vụ mang tính bắt buộc của người giám định tư pháp sau khi tiến hành giám định là phải đưa ra được kết luận giám định, trong đó thể hiện được những nhận xét, đánh giá chuyên môn về đối tượng giám định theo nội dung trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định, để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền tố tụng, người có thẩm quyền tố tụng giải quyết các vụ án hình sự, vụ án hành chính hay vụ việc dân sự. Việc từ chối đưa ra kết luận giám định mà không có lý do chính đáng hoặc cố ý kéo dài thời gian đưa ra kết luận giám định là những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động tư pháp, cũng như hoạt động tố tụng cần phải được xử lý nghiêm khắc. Nhận xét, đánh giá về đối tượng giám định của người giám định tư pháp chỉ có giá trị pháp lý nếu được thể hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật, đây là một yêu cầu về mặt thủ tục, đồng thời thể hiện được trách nhiệm của người giám định đối với những nhận xét, đánh giá của mình.

b. Yêu cầu về nội dung bản kết luận giám định

Ngoài việc thể hiện bằng hình thức văn bản, giá trị pháp lý của kết luận giám định tư pháp đối với hoạt động tố tụng còn được thể hiện thông qua các nội dung cụ thể trong bản kết luận giám định và vấn đề xác định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp về nội dung kết luận giám định.

Tùy thuộc vào yêu cầu của từng lĩnh vực giám định, các cơ quan có thẩm quyền sẽ ban hành biểu mẫu kết luận giám định thống nhất để áp dụng, trong đó yêu cầu những nội dung cụ thể cần phải được thể hiện. Tuy nhiên, về cơ bản, bản kết luận giám định tư pháp phải có các nội dung sau:

- Họ, tên người thực hiện giám định; tổ chức thực hiện giám định;
- Tên cơ quan tiến hành tố tụng; họ, tên người tiến hành tố tụng trung cầu giám định; số văn bản trung cầu giám định hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;
- Thông tin xác định đối tượng giám định;
- Thời gian nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định;
- Nội dung yêu cầu giám định;
- Phương pháp thực hiện giám định;
- Kết luận về đối tượng giám định;
- Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp về nội dung kết luận giám định thể hiện thông qua việc cá nhân, tổ chức giám định tư pháp ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định. Ngoài quy định về việc ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định theo cơ chế giám định (giám định cá nhân, giám định tập thể), việc ký tên, đóng dấu trong bản kết luận giám định tư pháp phải đảm bảo được một số yêu cầu mang tính bắt buộc sau:

- Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định thì chữ ký của người thực hiện giám định phải được chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.

- Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định thì người đứng đầu tổ chức phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

- Trường hợp giám định lại lần thứ hai do Hội đồng giám định thực hiện thì người quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

c. Giá trị pháp lý của kết luận giám định được thực hiện trước khi khởi tố vụ án hình sự

Trong hoạt động tố tụng hình sự, khi xác định một vụ việc xảy ra có dấu hiệu của tội phạm, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Tuy nhiên, không phải lúc nào vụ việc xảy ra chúng ta đều có thể xác định được ngay có dấu hiệu tội phạm hay không, mà phải trải qua một quá trình tiến hành kiểm tra, xác minh bằng nhiều biện pháp khác nhau. Chẳng hạn, khi có một vụ việc cố ý gây thương tích xảy ra, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể mà người thực hiện hành vi đã gây ra cho nạn nhân, xem có thỏa mãn dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định trong Bộ luật Hình sự hay không, để tiến hành khởi tố vụ án hoặc khi thu được trên người đối tượng chất nghi là ma túy, thì cần xác định chất thu được đó có phải là ma túy hay không và loại ma túy nào, từ đó mới có cơ sở để khởi tố vụ án hình sự... và để xác định được những vấn đề này một cách khách quan, việc trưng cầu giám định các cơ quan chuyên môn là cần thiết. Trong những trường hợp này, nội dung kết luận giám định chính là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định có khởi tố vụ án hình sự hay không.

Xuất phát từ thực tiễn của hoạt động tố tụng hình sự như trên, Luật Giám định tư pháp cho phép sử dụng kết luận giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự như kết luận giám định tư pháp trong trường hợp việc giám định đó được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mà Luật Giám định tư pháp quy định⁽¹⁾. Khi đảm bảo được những yêu cầu này, kết luận giám định được thực hiện

⁽¹⁾ Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 32, Luật Giám định tư pháp.

trước khi khởi tố vụ án được coi là nguồn chứng cứ có giá trị pháp lý, phục vụ cho việc giải quyết vụ án hình sự.

Việc xác định giá trị pháp lý của kết luận giám định được thực hiện trước khi khởi tố vụ án hình sự trong Luật Giám định tư pháp là cơ sở để Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định những vấn đề có liên quan⁽¹⁾, từ đó đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản pháp luật.

4. Hồ sơ giám định tư pháp

a. Nhận thức cơ bản về hồ sơ giám định tư pháp

Hồ sơ giám định tư pháp là tập hợp văn bản, giấy tờ, tài liệu liên quan đến hoạt động giám định tư pháp do người giám định tư pháp thực hiện.

Giám định tư pháp là một lĩnh vực quản lý nhà nước, do đó, bên cạnh tính chất chuyên môn, giám định tư pháp còn là hoạt động mang tính chất quản lý nhà nước, hoạt động giám định tư pháp được đặt trong sự quản lý, điều hành bằng các cơ chế quyền lực, hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hoạt động giám định tư pháp phải được quản lý, theo dõi chặt chẽ ngay từ khâu tiếp nhận

⁽¹⁾ Khoản 3, Điều 147, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “*Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền có quyền tiến hành các hoạt động:*

- a) Thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin;
- b) Khám nghiệm hiện trường;
- c) Khám nghiệm tử thi;
- d) Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản”.

trưng cầu, yêu cầu giám định, quá trình thực hiện giám định cho đến khi ra kết luận giám định; tất cả văn bản, giấy tờ, tài liệu liên quan đến hoạt động giám định tư pháp phải được lưu giữ và bảo quản bằng hồ sơ để phục vụ cho hoạt động chuyên môn, cũng như yêu cầu quản lý của các cơ quan, tổ chức. Việc lập hồ sơ giám định tư pháp là nghĩa vụ của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định. Đây là yêu cầu bắt buộc trong hoạt động giám định tư pháp.

Để đảm bảo tính pháp lý, hồ sơ giám định tư pháp phải được lập theo mẫu thống nhất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định: Mẫu hồ sơ giám định pháp y, pháp y tâm thần do Bộ Y tế phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định; mẫu hồ sơ giám định kỹ thuật hình sự do Bộ Công an phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định và mẫu hồ sơ giám định đối với lĩnh vực chuyên môn khác do các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định.

Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hồ sơ giám định tư pháp do mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Việc lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp phải đảm bảo tính khoa học, thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng trong những trường hợp cần thiết như: khi giám định lại, giám định bổ sung, người

giám định sử dụng trong việc tham gia tố tụng hay phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền...

Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự. Đây là trường hợp Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần kiểm tra lại tính hợp pháp của hoạt động giám định do cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thực hiện.

b. Nội dung hồ sơ giám định tư pháp

Trong từng lĩnh vực giám định, nội dung hồ sơ giám định tư pháp sẽ được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể. Tuy nhiên, để đảm bảo việc phản ánh một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ về hoạt động giám định tư pháp, hồ sơ giám định tư pháp cần bao gồm các văn bản, giấy tờ và tài liệu sau đây:

- Quyết định trưng cầu, văn bản yêu cầu giám định và tài liệu kèm theo (Ví dụ: Bản sao hợp pháp tất cả hồ sơ bệnh án liên quan đến thương tích cần giám định; các hồ sơ về y tế có liên quan giám định pháp y; biên bản lời khai của bị hại, nghi can, nhân chứng...).

- Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định (Ví dụ: Biên bản tiếp nhận hồ sơ trưng cầu giám định; Biên bản bàn giao đối tượng giám định có quyết định trưng cầu; biên bản mở niêm phong; biên bản giao nhận đối tượng giám định...);

- Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định (Ví dụ: Biên bản giám định; Biên bản giám định pháp y tâm thần dùng cho giám định theo trưng cầu...);

- Bản ảnh giám định (nếu có);

- Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (Ví dụ: Kết luận giám định lần đầu, kết luận giám định bổ sung...);

- Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (Ví dụ: Văn bản yêu cầu cung cấp bổ sung mẫu giám định; biên bản lấy mẫu giám định ADN; biên bản xử lý và tiêu hủy mẫu vật...);

- Kết luận giám định tư pháp.

5. Chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp

a. Chi phí giám định tư pháp

Xác định chi phí giám định tư pháp

Chi phí giám định là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho công việc giám định do tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

Cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp khi nhận trưng cầu hoặc yêu cầu giám định có trách nhiệm xác định và thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định về mức, thời hạn, phương thức thanh toán chi phí giám định theo từng vụ việc được trưng cầu, yêu cầu giám định. Căn cứ

tính chất của đối tượng và nội dung giám định cụ thể, chi phí giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- Chi phí tiền lương, thù lao cho người thực hiện giám định.

+ Xác định chi phí tiền lương: Chi phí tiền lương được áp dụng trong trường hợp Cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định đối với tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc. Các tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu căn cứ vào nội dung yêu cầu giám định, khối lượng công việc, thời gian cần thiết thực hiện giám định và các quy định của chế độ tiền lương hiện hành áp dụng đối với mình, xác định chi phí tiền lương làm cơ sở thông báo cho Cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định.

+ Chi phí thù lao: Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định đối với giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thì các cá nhân được trưng cầu này căn cứ nội dung yêu cầu giám định, khối lượng công việc, thời gian cần thiết thực hiện giám định và tiền lương, thu nhập thực tế của mình, xác định mức thù lao hợp lý thông báo cho Cơ quan tiến hành tố tụng. Trường hợp Cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định đối với giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc là người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thì các cá nhân được trưng cầu này căn cứ quy định

của pháp luật về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp xác định thù lao giám định tư pháp để thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng.

- Chi phí khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị: Tổ chức thực hiện giám định khi thực hiện giám định nếu phải sử dụng máy móc, phương tiện, thiết bị thì chi phí khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị.

+ Trường hợp máy móc, phương tiện, thiết bị là tài sản cố định, chi phí khấu hao được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho từng loại máy móc, phương tiện, thiết bị của tổ chức thực hiện giám định và thời gian thực tế sử dụng phục vụ cho việc giám định.

+ Trường hợp máy móc, phương tiện, thiết bị không đáp ứng đủ điều kiện xác định là tài sản cố định thì chi phí khấu hao đối với máy móc, phương tiện, thiết bị được xác định theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 2 năm và không quá thời gian thực tế sử dụng phục vụ cho việc giám định.

- Chi phí vật tư tiêu hao.

Tổ chức thực hiện giám định; giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc là người đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi thực hiện giám định nếu có

sử dụng vật tư thì được xác định chi phí vật tư tiêu hao. Chi phí vật tư tiêu hao xác định căn cứ vào định mức vật tư tiêu hao và khối lượng công việc giám định phát sinh phù hợp trong từng lĩnh vực giám định. Trường hợp chưa có quy định của pháp luật về định mức vật tư tiêu hao, tổ chức, cá nhân trên căn cứ các quy định có liên quan và điều kiện sử dụng vật tư phục vụ giám định để xác định mức vật tư tiêu hao thông báo cho Cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định và phải chịu trách nhiệm về sự phù hợp của mức vật tư tiêu hao đã thông báo.

- Chi phí sử dụng dịch vụ.

Chi phí sử dụng dịch vụ được áp dụng trong trường hợp cần thiết phải sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện và chi phí sử dụng dịch vụ thuê ngoài khác nhằm phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện giám định. Chi phí sử dụng dịch vụ được xác định căn cứ theo thực tế phát sinh của từng trường hợp cụ thể trên cơ sở có đủ hợp đồng (nếu có) và hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

- Các chi phí khác.

Chi phí khác là những chi phí liên quan và phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện giám định tư pháp phù hợp với tính chất, nội dung từng vụ việc trong các lĩnh vực cụ thể. Chi phí khác được xác định căn cứ theo thực tế phát sinh của từng trường hợp cụ thể trên cơ sở có đủ hợp đồng (nếu có) và hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, thanh toán chi phí giám định tư pháp

Tiền tạm ứng chi phí giám định là số tiền do tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tạm tính để thực hiện giám định theo trưng cầu của Cơ quan tiến hành tố tụng. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định được nhận tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trả kết quả giám định. Kinh phí thanh toán chi phí giám định mà Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan đó.

Thứ nhất, trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, thanh toán chi phí giám định do Cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định:

- Nộp tạm ứng chi phí giám định:

+ Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định xác định và thông báo cho Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

+ Cơ quan tiến hành tố tụng nộp tiền tạm ứng theo thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- Thanh toán chi phí giám định:

+ Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà

tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ trong trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì Cơ quan tiến hành tố tụng không chịu trách nhiệm trả chi phí giám định. Người bị hại phải hoàn trả cho Cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp.

+ Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định trong trường hợp kết quả giám định không có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Nếu kết quả giám định có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án thì bên đương sự thua kiện phải nộp chi phí giám định. Số tiền tạm ứng chi phí giám định được hoàn lại cho Cơ quan tiến hành tố tụng đã nộp.

Thứ hai, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, nộp chi phí giám định do đương sự yêu cầu (đương sự trong vụ việc dân sự và đương sự trong vụ án hành chính) và được Tòa án chấp nhận ra quyết định trưng cầu giám định:

- Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định:

+ Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định (người nghèo theo quy định của Chính phủ được miễn tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định).

+ Trong trường hợp các bên đương sự yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định về cùng một đối tượng thì các bên cùng phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định (người nghèo theo quy định của Chính phủ được miễn tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định).

- Nghĩa vụ nộp chi phí giám định:

+ Việc nộp chi phí giám định do thỏa thuận giữa các bên đương sự hoặc pháp luật có quy định khác;

+ Trong trường hợp không có thỏa thuận giữa các bên đương sự hoặc pháp luật không có quy định khác, nghĩa vụ nộp chi phí giám định được xác định như sau:

* Người yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ chỉ có căn cứ một phần, thì họ phải nộp chi phí giám định đối với phần yêu cầu của họ đã được chứng minh là không có căn cứ;

* Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ. Trường hợp yêu cầu trưng cầu giám định chỉ có căn cứ một phần, thì người

không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ.

Tòa án căn cứ vào quy định này quyết định nghĩa vụ nộp chi phí giám định, miễn, giảm chi phí giám định, hoàn trả chi phí giám định của các bên đương sự trong bản án, quyết định.

Thứ ba, trách nhiệm nộp tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định trong trường hợp nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giám định và được Cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận đối với phần dân sự được giải quyết trong cùng vụ án hình sự: Trường hợp này nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giám định không phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định. Trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định được thực hiện như trường hợp Cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định.

Thứ tư, trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định trong trường hợp người yêu cầu giám định đã yêu cầu Cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu giám định: Trường hợp này người yêu cầu giám định phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

b. Chế độ đối với người giám định tư pháp và người tham gia giám định tư pháp

Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp⁽¹⁾

Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện giám định tư pháp được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo ngày công hoặc chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc.

- Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo ngày công được áp dụng đối với việc giám định tư pháp trong các lĩnh vực: Pháp y về độc chất, tổ chức học, sinh học, giám định trên hồ sơ; pháp y tâm thần; kỹ thuật hình sự; tài chính; ngân hàng; văn hóa; xây dựng; tài nguyên và môi trường; thông tin và truyền thông; nông - lâm - ngư nghiệp và các lĩnh vực khác.

- Chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc được áp dụng đối với giám định trên người sống và trên tử thi trong lĩnh vực pháp y.

Người giúp việc cho người giám định tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bao gồm: Trợ lý, kỹ thuật viên, y công, cán bộ kỹ thuật hình sự trong trường hợp tham gia khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi và những người khác do Thủ trưởng tổ chức được trưng cầu giám định

⁽¹⁾ Mức chế độ bồi dưỡng cụ thể được quy định tại Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg, ngày 1/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

phân công hoặc do người giám định tư pháp chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định chỉ định được hưởng bằng 70% mức bồi dưỡng mà người giám định tư pháp được hưởng.

Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi được hưởng bằng 30% mức bồi dưỡng mà người giám định tư pháp được hưởng.

Kinh phí trả chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp

- Kinh phí chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp đối với các vụ án hình sự hoặc vụ việc giám định do Cơ quan điều tra có thẩm quyền trưng cầu do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm của Cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Hằng năm, Cơ quan tiến hành tố tụng phải lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp phát kinh phí bảo đảm chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp. Việc sử dụng kinh phí chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Kinh phí chi trả bồi dưỡng giám định tư pháp đối với các vụ việc dân sự, vụ án hành chính mà do Cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu theo yêu cầu của đương sự do đương sự chi trả theo quy định của pháp luật về tố tụng, chi phí giám định trong tố tụng.

Trách nhiệm thanh toán chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp

- Cơ quan trung cầu giám định có trách nhiệm tạm ứng tiền bồi dưỡng giám định khi trung cầu giám định và phải thanh toán tiền bồi dưỡng giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định.

- Trường hợp tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định thì tổ chức đó có trách nhiệm trả tiền bồi dưỡng giám định cho giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc; người giúp việc cho người giám định tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước từ chi phí giám định tư pháp đã thu của người trung cầu, người yêu cầu giám định.

- Cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu giám định trả tiền bồi dưỡng giám định cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi từ kinh phí hoạt động điều tra, truy tố và xét xử được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Cơ quan tiến hành tố tụng.

Phụ cấp ưu đãi nghề và các phụ cấp khác

Ngoài chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, giám định viên tư pháp chuyên trách thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề và các phụ cấp khác. Cụ thể:

- Giám định viên tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm, công việc giám định tư pháp. Mức phụ cấp trách nhiệm, công việc giám định tư pháp là 0,3 so với mức lương tối thiểu chung⁽¹⁾.

- Giám định viên tư pháp thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần thuộc ngành y tế được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề. Mức phụ cấp ưu đãi nghề là 70% trên mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) của đối tượng được hưởng⁽²⁾.

c. Chính sách đối với hoạt động giám định tư pháp

Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập (Văn phòng giám định tư pháp) được hưởng ưu đãi thuộc chính sách khuyến khích xã hội hóa của Chính phủ, như: ưu đãi về thuế, xây dựng cơ sở vật chất; được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất; được hưởng chế độ ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; các chính sách về ưu đãi tín dụng; chính sách về huy động vốn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

⁽¹⁾ Theo Thông tư số 02/2009/TT-BTP, ngày 17/9/2009, của Bộ Tư pháp quy định về chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc giám định tư pháp

⁽²⁾ Theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP, ngày 4/7/2011, của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập

Ngoài ra, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tế và thẩm quyền của mình quy định cụ thể về chế độ, chính sách khác để thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp, như: chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp; đào tạo, bồi dưỡng; thời gian, phương tiện, trang thiết bị để phục vụ công tác giám định tư pháp...

Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp thì được tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương 3

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

I. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ CÔNG AN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Nhiệm vụ quản lý nhà nước về giám định tư pháp của Bộ Công an

Quản lý nhà nước về giám định tư pháp là hoạt động tổ chức, điều hành của cơ quan nhà nước về tất cả các vấn đề liên quan đến giám định tư pháp. Giám định tư pháp có tính chất rất đặc thù, mang tính chuyên môn khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ, ở rất nhiều lĩnh vực chuyên môn; con người, cơ sở vật chất, kinh phí... thuộc nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ và tất cả các địa phương trong toàn quốc, cho nên, bên cạnh nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp của Chính phủ dưới sự trợ giúp của Bộ Tư pháp, việc giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động

này cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ với chức năng là cơ quan chủ quản trong lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với chức năng là cơ quan quản lý hành chính đối với tất cả lĩnh vực ở địa phương là rất cần thiết, phù hợp với yêu cầu nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc chăm lo, tạo điều kiện cho hoạt động giám định tư pháp thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương mình; qua đó bảo đảm cho hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực giám định tư pháp được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và đi vào thực chất.

Trong các lĩnh vực giám định tư pháp, giám định kỹ thuật hình sự là một trong những lĩnh vực giám định tư pháp mang tính thường xuyên, cũng là một mặt công tác chuyên môn quan trọng, gắn liền với lịch sử phát triển của lực lượng Công an nhân dân. Tuy nhiên, trước khi Luật Giám định tư pháp được ban hành, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự được giao cho các Bộ, ngành khác nhau thực hiện theo lĩnh vực thuộc Bộ, ngành đó quản lý, chưa giao cho một cơ quan chịu trách nhiệm thống nhất quản lý, đặc biệt là đối với những hoạt động mang tính chất chung như: quy định cụ thể về tiêu chuẩn giám định viên kỹ thuật hình sự; thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự ở trung ương; cấp thẻ giám định viên kỹ thuật hình sự; ban hành quy chuẩn chuyên môn về giám định kỹ thuật hình sự... Điều này đã gây ra những khó khăn nhất định trong công tác quản lý, tổ chức, điều hành và triển khai hoạt động này trong thực tiễn. Để khắc phục tồn tại về

mặt thể chế này, theo quy định của Luật Giám định tư pháp, Bộ Công an đã được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động này.

Việc giao nhiệm vụ cho lực lượng Công an nhân dân, thông qua cơ quan chủ quản là Bộ Công an chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự là cần thiết, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng thực hiện của lực lượng Công an nhân dân, cũng như phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra, qua đó, thể hiện được vai trò quan trọng, không thể thiếu của lực lượng Công an nhân dân đối với lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự nói riêng, lĩnh vực giám định tư pháp nói chung.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giám định tư pháp, Bộ Công an có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

- Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự và hướng dẫn thi hành các văn bản đó.

Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Công an có nhiệm vụ ban hành các thông tư quy định các vấn đề liên quan đến

lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự, như: tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự; chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; biểu mẫu sử dụng trong công tác giám định kỹ thuật hình sự... hoặc phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác ban hành thông tư liên tịch về các vấn đề liên quan đến giám định kỹ thuật hình sự, giám định pháp y để áp dụng thống nhất.

- Phối hợp với Bộ Y tế (chủ trì) và Bộ Tư pháp ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm pháp y cấp tỉnh và Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan trong việc tiếp nhận trung cầu và thực hiện giám định pháp y.

- Ban hành quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự.

Bộ Công an có nhiệm vụ ban hành hệ thống quy chuẩn chuyên môn đối với từng lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự, như: quy trình giám định dấu vết đường vân; quy trình giám định dấu vết cơ học; quy trình giám định súng, đạn; quy trình giám định tài liệu; quy trình giám định cháy, nổ; quy trình giám định kỹ thuật; quy trình giám định âm thanh; quy trình giám định sinh học; quy trình giám định hóa học; quy trình giám định kỹ thuật số và điện tử⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Tính đến thời điểm đầu năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký 3 thông tư ban hành tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực an ninh, bao gồm 40 quy trình giám định Kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân, đó là: Thông tư số 52/2011/TT-BCA, ngày 20/7/2011, Thông tư số 46/2013/TT-BCA, ngày 5/11/2013 và Thông tư số 51/2015/TT-BCA, ngày 13/10/2015.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức, hoạt động của Viện Khoa học hình sự và Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Công an có trách nhiệm củng cố, kiện toàn tổ chức của các tổ chức giám định tư pháp trực thuộc: Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an; Trung tâm Giám định pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an và các đội giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo thẩm quyền.

Theo quy định của Luật Giám định tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự công tác tại Viện Khoa học hình sự thuộc Bộ Công an, Trung tâm Giám định pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự; bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự công tác tại Phòng Giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Riêng đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự đang công tác tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Căn cứ vào tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp được quy định trong Luật Giám định tư pháp, Bộ Công an quy định cụ thể tiêu chuẩn giám định viên kỹ thuật hình sự để làm cơ sở cho việc bổ nhiệm; đồng thời quy định cơ quan, tổ chức thực hiện, nội dung, thời gian đào tạo hoặc

bồi dưỡng để cấp chứng chỉ nghiệp vụ giám định kỹ thuật hình sự để làm tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự.

- Phối hợp với Bộ Y tế (chủ trì) nghiên cứu, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về mã số hoặc chức danh nghề nghiệp đối với giám định viên tư pháp chuyên trách và người tham gia hoạt động giám định tư pháp thuộc các tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y thuộc Bộ Công an quản lý;

- Bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Để bảo đảm kinh phí cho hoạt động giám định tư pháp, trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, Bộ Công an ban hành quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự để áp dụng thống nhất; đồng thời có nhiệm vụ hướng dẫn chi trả chi phí giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý. Ngoài ra, căn cứ vào đặc thù của công tác giám định kỹ thuật hình sự, cũng như trên cơ sở quy định của pháp luật về tiêu chuẩn vật chất, hậu cần, Bộ Công an ban hành các quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực

kỹ thuật hình sự, kể cả Phòng Giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho đội ngũ giám định viên tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quản lý. Căn cứ vào tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động, hàng năm tiến hành đánh giá chất lượng hoạt động của người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an.

- Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo quy định; phối hợp với Bộ Y tế (chủ trì) thực hiện việc kiểm tra, thanh tra về hoạt động giám định pháp y trong ngành công an; chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện việc kiểm tra, thanh tra về hoạt động giám định kỹ thuật hình sự trong quân đội.

- Thực hiện thống kê hằng năm về trung cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.

- Hằng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp về tình hình trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.

- Hướng dẫn cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân quản lý áp dụng các quy định của pháp luật về trưng cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

Đào tạo, giúp đỡ Công an các nước bạn về lĩnh vực giám định tư pháp; thiết lập các mối quan hệ với các quốc gia để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật hình sự để phục vụ cho hoạt động giám định tư pháp. Hướng dẫn cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân thực hiện việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện giám định tư pháp theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước ngoài.

II. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về giám định tư pháp của Bộ Công an

Quy phạm pháp luật là công cụ pháp lý hiệu quả và không thể thiếu để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở

tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp. Một hệ thống quy phạm pháp luật đồng bộ, thống nhất, giúp cho hoạt động quản lý nhà nước về giám định tư pháp phát huy được hiệu quả, đảm bảo được mục đích và yêu cầu đặt ra. Nhận thức được vấn đề đó, để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về giám định tư pháp trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự, ngoài việc quán triệt và tuân thủ nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về giám định tư pháp, Bộ Công an đã ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự.

- Về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự: Để áp dụng thống nhất tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 33/2014/TT-BCA, ngày 5/8/2014, quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự.

- Về chế độ đối với giám định viên kỹ thuật hình sự và người tham gia hoạt động giám định kỹ thuật hình sự: Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 49/2017/TT-BCA, ngày 26/10/2017, quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng

giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; thành phần, số người thực hiện nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi và khai quật tử thi.

- Về biểu mẫu dùng trong hoạt động giám định kỹ thuật hình sự: Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 61/2017/TT-BCA, ngày 14/12/2017, quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự, trong đó có quy định các biểu mẫu được sử dụng trong hoạt động giám định kỹ thuật hình sự (Bản ảnh giám định; Biên bản giám định; Biên bản giám định dấu vết súng, đạn; Biên bản giám định chất ma túy; Kết luận giám định; Kết luận giám định của Hội đồng giám định; Biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định).

- Về quy trình giám định: Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành 3 thông tư về tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực an ninh, bao gồm 40 quy trình giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân (Thông tư số 52/2011/TT-BCA, ngày 20/7/2011, ban hành 10 quy trình; Thông tư số 46/2013/TT-BCA, ngày 5/11/2013, ban hành 20 quy trình và Thông tư số 51/2015/TT-BCA, ngày 13/10/2015, ban hành 10 quy trình).

2. Tổ chức giám định tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân

a. Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an

Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an là một đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân, đồng thời cũng là một tổ chức giám định tư pháp công lập ở cấp trung ương được Luật Giám định tư pháp quy định. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện Khoa học hình sự do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định. Hoạt động của Viện Khoa học hình sự do Viện trưởng quản lý. Bên cạnh nhiệm vụ chỉ huy, chỉ đạo lực lượng kỹ thuật hình sự trong cả nước thực hiện các chủ trương, biện pháp công tác kỹ thuật hình sự đặc thù của ngành như khám nghiệm hiện trường, kỹ thuật phòng, chống tội phạm, thì việc tổ chức các hoạt động giám định tư pháp về kỹ thuật hình sự và pháp y được coi là công tác chuyên môn quan trọng hàng đầu.

Trong lĩnh vực giám định tư pháp, Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an có những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể sau đây⁽¹⁾:

- Nghiên cứu đề xuất, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các kế hoạch, chủ trương, nguyên tắc, chế độ, điều lệ và biện pháp công tác giám định kỹ thuật hình sự và

⁽¹⁾ Căn cứ theo Quyết định số 2440/QĐ-BCA, ngày 11/5/2015, của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện Khoa học hình sự.

giám định pháp y, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức các hoạt động giám định tư pháp về kỹ thuật hình sự và pháp y theo quyết định trưng cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng, các đơn vị nghiệp vụ trong ngành Công an và các cơ quan, tổ chức xã hội khác theo quy định.

- Nghiên cứu đề xuất, xây dựng, triển khai dự án và lập kế hoạch trang bị phương tiện kỹ thuật chuyên dùng cho lực lượng giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân.

- Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; cải thiện và sản xuất phương tiện, hóa chất chuyên dùng phục vụ giám định kỹ thuật hình sự, pháp y. Tổ chức dịch vụ ứng dụng khoa học và công nghệ, nghiên cứu, sản xuất, điều chế hóa chất giám định theo yêu cầu của các cơ quan nghiệp vụ, tổ chức xã hội và công dân.

- Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm công tác, tham gia nghiên cứu phát triển lý luận khoa học hình sự, biên soạn và phát hành tài liệu nghiệp vụ về giám định kỹ thuật hình sự và pháp y.

- Thông qua hoạt động thực tiễn công tác giám định, phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát triển và thủ đoạn hoạt động của tội phạm, đề xuất các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm hình sự và các vi phạm pháp luật khác.

- Báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Viện Khoa học hình sự và Giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng. Huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng giám định kỹ thuật hình sự, pháp y, khám nghiệm hiện trường và kỹ thuật phòng, chống tội phạm. Phối hợp với các trường trong và ngoài ngành Công an tham gia đào tạo, huấn luyện sau đại học về nghiệp vụ kỹ thuật hình sự.

- Thực hiện công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về giám định kỹ thuật hình sự và pháp y theo quy định của Bộ trưởng.

Để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực giám định, Viện Khoa học kỹ thuật hình sự được tổ chức thành nhiều phòng có chức năng giám định, hoạt động ở nhiều lĩnh vực chuyên môn, như: Phòng Giám định kỹ thuật pháp lý; Phòng Giám định kỹ thuật hình sự truyền thống; Phòng Giám định hóa pháp lý; Phòng Giám định tài liệu; Phòng Giám định kỹ thuật số và điện tử; Trung tâm Giám định pháp y; Trung tâm Giám định ma túy; Trung tâm Giám định sinh học pháp lý và 2 phân viện (Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng) có nhiệm vụ tiến hành các hoạt động giám định kỹ thuật hình sự và pháp y trong khu vực phụ trách. Hoạt động của các phòng chuyên môn do Trưởng phòng quản lý; hoạt động của các phân viện do Phân Viện trưởng (là Phó Viện trưởng Viện Khoa học hình sự) quản lý.

- Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh có những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể trong lĩnh vực giám định tư pháp như sau⁽¹⁾:

+ Tổ chức và tiến hành công tác giám định kỹ thuật hình sự, pháp y Công an nhân dân theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, các đơn vị nghiệp vụ trong ngành Công an và các cá nhân, tổ chức ở các tỉnh phía Nam (các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ Ninh Thuận trở vào, bao gồm các tỉnh, thành phố: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) theo quy định của pháp luật.

+ Sơ kết, tổng kết công tác giám định; tiến hành nghiên cứu khoa học về công tác kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ vào công tác giám định; phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát triển của các vụ việc liên quan đến giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp đấu tranh và phòng ngừa các vụ việc có hiệu quả.

⁽¹⁾ Căn cứ theo Quyết định số 87/QĐ-C41-C43, ngày 6/2/2017, của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học hình sự.

+ Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ về giám định kỹ thuật hình sự, giám định pháp y Công an nhân dân. Tham gia công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân đối với Công an các tỉnh phía Nam.

+ Nghiên cứu đề xuất mua sắm trang thiết bị phương tiện, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ, sản xuất và phối hợp sản xuất phương tiện, điều chế hóa chất phục vụ giám định.

+ Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về giám định kỹ thuật hình sự và pháp y theo sự phân công của Viện trưởng Viện Khoa học hình sự.

+ Thực hiện hoạt động có thu về giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân theo quy định.

- Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng có những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể trong lĩnh vực giám định tư pháp như sau⁽¹⁾:

+ Tổ chức và tiến hành công tác giám định kỹ thuật hình sự, pháp y Công an nhân dân theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, các đơn vị nghiệp vụ trong ngành Công an và các cá nhân, tổ chức ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên theo quy định của pháp luật.

⁽¹⁾ Căn cứ theo Quyết định số 88/QĐ-C41-C43, ngày 06/02/2017, của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng thuộc Viện Khoa học hình sự.

+ Sơ kết, tổng kết công tác giám định; tiến hành nghiên cứu khoa học về công tác kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ vào công tác giám định; phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát triển của các vụ việc liên quan đến giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp đấu tranh và phòng ngừa các vụ việc có hiệu quả.

+ Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ về giám định kỹ thuật hình sự, giám định pháp y Công an nhân dân. Tham gia công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân đối với Công an các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

+ Nghiên cứu đề xuất mua sắm trang thiết bị phương tiện, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ, sản xuất và phối hợp sản xuất phương tiện, điều chế hóa chất phục vụ giám định.

+ Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về giám định kỹ thuật hình sự và pháp y theo sự phân công của Viện trưởng Viện Khoa học hình sự.

+ Thực hiện hoạt động có thu về giám định kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân theo quy định.

Để thực hiện nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực giám định tư pháp, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố

Đà Nẵng được tổ chức thành các đội chuyên môn, như: Đội Giám định kỹ thuật hình sự truyền thống; Đội Giám định kỹ thuật pháp lý; Đội Giám định hóa pháp lý; Đội Giám định pháp y và sinh học pháp lý; Đội Giám định tài liệu. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các đội chuyên môn do Viện trưởng Viện Khoa học hình sự quyết định. Hoạt động của các đội chuyên môn do Đội trưởng quản lý.

b. Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh

Phòng Kỹ thuật hình sự là một đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân thuộc sự quản lý của Công an cấp tỉnh và là tổ chức giám định công lập ở cấp địa phương thuộc lực lượng Công an nhân dân được Luật Giám định tư pháp quy định, thực hiện nhiệm vụ giám định kỹ thuật hình sự.) Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh còn có nhiệm vụ tiến hành hoạt động giám định pháp y tử thi⁽¹⁾. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh do Cục Tổ chức cán bộ Công an nhân dân quy định. Hoạt động của Phòng kỹ thuật hình sự do Trưởng phòng quản lý.

Ngoài chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật Giám định tư pháp, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an

⁽¹⁾ Khoản 5, Điều 12, Luật Giám định tư pháp quy định: “Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh có giám định viên pháp y thực hiện giám định pháp y tử thi.”

cấp tỉnh còn có những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể trong hoạt động giám định tư pháp như sau⁽¹⁾:

- Tiến hành các hoạt động giám định kỹ thuật hình sự đối với: dấu vết đường vân; dấu vết cơ học; súng, đạn; tài liệu; cháy, nổ; kỹ thuật; âm thanh; sinh học; hóa học; kỹ thuật số và điện tử và giám định pháp y (pháp y tử thi) theo trung cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng, các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ trong ngành và các cơ quan, tổ chức xã hội khác.

- Giúp Giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp huyện về công tác giám định sơ bộ dấu vết đường vân, tài liệu.

- Nghiên cứu khoa học, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm công tác giám định kỹ thuật hình sự và pháp y;

Để thực hiện nhiệm vụ giám định tư pháp, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh được phân chia thành các đội nghiệp vụ, như: Đội Giám định kỹ thuật hình sự truyền thống và tài liệu và Đội Giám định hóa, kỹ thuật pháp lý và pháp y sinh vật.) Riêng đối với Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh có thể tách Đội Giám định hóa, kỹ thuật pháp lý và pháp y sinh vật thành 2 đội: Đội Giám định pháp y sinh vật

⁽¹⁾ Căn cứ theo Quyết định số 10957/QĐ-X11, ngày 24/12/2010, của Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

và Đội Giám định hóa, kỹ thuật pháp lý. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các đội do Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật hình sự phối hợp với Trưởng phòng Tổ chức cán bộ đề xuất, Giám đốc Công an tỉnh quyết định. Hoạt động của đội do Đội trưởng quản lý.

3. Lĩnh vực hoạt động giám định tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân

a. Giám định kỹ thuật hình sự

Giám định kỹ thuật hình sự là một lĩnh vực giám định tư pháp, do các giám định viên kỹ thuật hình sự tiến hành bằng việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.

Giám định kỹ thuật hình sự là một lĩnh vực giám định phổ biến của lực lượng Công an nhân dân, bao gồm: Giám định dấu vết đường vân; Giám định tài liệu; Giám định dấu vết cơ học; Giám định súng, đạn; Giám định hóa học; Giám định sinh học; Giám định cháy, nổ; Giám định kỹ thuật; Giám định âm thanh; Giám định kỹ thuật số và điện tử. Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các bộ phận chuyên môn thuộc Viện Khoa học hình sự (Phòng Giám định kỹ thuật pháp lý, Phòng Giám định kỹ thuật hình sự

truyền thống, Phòng Giám định hóa pháp lý, Phòng Giám định tài liệu, Phòng Giám định kỹ thuật số và điện tử, Trung tâm Giám định ma túy, Trung tâm Giám định sinh học pháp lý); Phân viện Khoa học hình sự (Đội Giám định kỹ thuật hình sự truyền thống, Đội Giám định kỹ thuật pháp lý, Đội Giám định hóa pháp lý, bộ phận giám định sinh học pháp lý thuộc Đội Giám định pháp y và sinh học pháp lý, Đội Giám định tài liệu) và Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh (Đội Giám định Kỹ thuật hình sự truyền thống và tài liệu, Đội Giám định hóa, kỹ thuật pháp lý và pháp y sinh vật) thực hiện các hoạt động giám định cụ thể.

Giám định dấu vết đường vân

Giám định dấu vết đường vân là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên dấu vết đường vân để truy nguyên ra đối tượng gây dấu vết để lại trên vật mang vết, lai lịch của người chết chưa rõ tung tích hay người bị mất tích và người có liên quan khác... Hoạt động giám định dấu vết đường vân phổ biến hiện nay là giám định dấu vân tay.

Giám định tài liệu

Giám định tài liệu là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên tài liệu để truy nguyên ra người đã viết, đã ký trên các tài liệu, giấy tờ; xác định phương pháp, công nghệ tạo ra ấn phẩm và truy nguyên chế bản, phương tiện tạo ra ấn phẩm, xác định bộ phận ấn phẩm bị sửa đổi, phương pháp

sửa đổi, nội dung nguyên thủy của ấn phẩm bị sửa đổi; truy nguyên phương tiện, kỹ thuật làm ra tài liệu (bằng máy chữ, máy vi tính); xác định tuổi của tài liệu; khôi phục nội dung của tài liệu bị đốt cháy, phủ mực, xé vụn, phai mờ, viết thêm, tẩy, xóa... Hoạt động giám định tài liệu phổ biến hiện nay là: Giám định chữ viết, chữ ký; Giám định kỹ thuật tài liệu (giám định hình dấu, giám định ấn phẩm, giám định tài liệu bị tẩy xóa, tài liệu bị sửa chữa, tài liệu bị điền thêm, giám định chữ đánh máy (bằng máy chữ và máy vi tính)...

Giám định dấu vết cơ học

Giám định dấu vết cơ học là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên dấu vết cơ học để xác định trên vật cần giám định có dấu vết hằn, xước do vật lạ gây ra hay không; xác định công cụ, phương tiện tạo ra dấu vết đó... Hoạt động giám định dấu vết cơ học phổ biến hiện nay là giám định dấu vết công cụ, dấu vết khóa, khớp; giám định dấu vết cơ học trong tai nạn giao thông.

Giám định súng, đạn

Giám định súng, đạn là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên súng, đạn để nghiên cứu về súng, đạn, các dấu vết có liên quan đến súng và đạn (dấu vết để lại trên vật cần khi bắn tạo ra, dấu vết trên đầu đạn và vỏ đạn, dấu vết của súng để lại trên các đầu đạn, vỏ đạn đã bắn...) để kết luận

về chủng loại, tính năng, tình trạng kỹ thuật của súng; loại đạn, tình trạng kỹ thuật của đạn; xác định đầu đạn, vỏ đạn thu được có được bắn ra từ một khẩu súng hay không và truy nguyên khẩu súng đã bắn ra các đầu đạn, vỏ đạn đó; xác định tầm bắn, hướng bắn; lỗ đạn vào, lỗ đạn ra...

Giám định hóa học

Giám định hóa học là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên hóa học để xác định bản chất hóa học của đối tượng giám định, như: đối tượng cần giám định là chất gì, thành phần, khối lượng, có đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hay không... Một số hoạt động giám định hóa học phổ biến hiện nay của lực lượng Công an nhân dân như: Giám định dấu vết đất; Giám định độc chất; Giám định các chất ma túy trong mẫu nước tiểu; Giám định ma túy nhóm Opiat trong mẫu bắt được; Giám định các chất ma túy nhóm Opiat trong mẫu máu; Giám định các chất ma túy nhóm ATS trong mẫu bắt được; Giám định rượu bia và đồ uống có cồn; Giám định nước mắt; Giám định các loại thực phẩm chế biến từ thực vật (mỳ chính, dầu ăn, đường trắng, tương ớt, tương cà chua, cà phê, bánh kẹo); Giám định thuốc tân dược được dùng qua đường tiêu hóa và thực phẩm chức năng... Hoạt động giám định hóa học do bộ phận giám định hóa pháp lý thực hiện, riêng về lĩnh vực giám định ma túy do bộ phận giám định ma túy thực hiện.

Giám định sinh học

Giám định sinh học là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên sinh học để xác định bản chất sinh học của đối tượng giám định, như: Giám định dấu vết máu; Giám định dấu vết lông tóc; Giám định dấu vết tinh dịch... để truy nguyên đối tượng có liên quan đến các dấu vết đó (Ví dụ như: dấu vết máu cần giám định là máu người hay máu động vật; dấu vết máu, lông tóc, tinh dịch... cần giám định có giống với mẫu so sánh hay không...). Thành tựu nổi bật của lĩnh vực giám định sinh học là giám định ADN.

Giám định cháy, nổ

Giám định cháy, nổ là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên cháy, nổ để kết luận các vấn đề liên quan đến chất cháy, chất nổ; các dấu vết cháy, dấu vết của vụ nổ, như: Giám định thuốc nổ để khẳng định loại và thành phần thuốc nổ; Giám định pháo nổ, pháo hoa để khẳng định đối tượng cần giám định có phải là pháo nổ, pháo hoa hay không; Giám định dấu vết cháy để để xác định hướng phát cháy (cháy trong ra hay cháy ngoài vào), tác nhân cháy, nguồn nhiệt gây cháy; Giám định dấu vết của vụ nổ để xác định vật nổ, vùng và điểm nổ, diễn biến của quá trình nổ, nguyên nhân gây nổ, xác định tính năng tác dụng của vật nổ...

Giám định kỹ thuật

Giám định kỹ thuật là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên kỹ thuật để đưa ra kết luận về những vấn đề liên quan đến đặc tính, tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của đối tượng giám định. Một số hoạt động giám định kỹ thuật phổ biến hiện nay, như: Giám định máy móc, thiết bị, công trình xây dựng nhà, cầu, đường, ký tự đóng chìm trên vật liệu kim loại (sổ khùng, sổ máy của xe ô tô, xe máy)... Hoạt động giám định kỹ thuật do bộ phận giám định kỹ thuật pháp lý thực hiện.

Giám định âm thanh

Giám định âm thanh là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên âm thanh nhằm khai thác thông tin từ âm thanh trong bản ghi (bằng máy ghi âm, băng từ, đĩa từ, điện thoại di động...) để khẳng định âm thanh trong bản ghi là do đối tượng nào phát ra (con người hay vật thể khác); tiếng nói trong bản ghi là do cùng một người nói hay hai người khác nhau nói... Hoạt động giám định âm thanh chủ yếu hiện nay được lực lượng Công an nhân dân thực hiện là giám định tiếng nói.

Giám định kỹ thuật số và điện tử

Giám định kỹ thuật số và điện tử là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của giám định viên kỹ thuật số và điện tử để nghiên cứu,

phân tích các dữ liệu số được lưu giữ trong các thiết bị điện tử để đánh giá và khẳng định tính đồng nhất giữa đối tượng cần giám định với mẫu so sánh, đối tượng cần giám định có bị mất, hư, sửa chữa hay không; lấy lại dữ liệu đã sao lưu trước đây trong các thiết bị hoặc khôi phục dữ liệu từ thiết bị lưu trữ khi nó không thể truy cập được bằng cách thông thường do bị xóa (delete), định dạng (format - định dạng các ổ đĩa logic hoặc fdisk - tạo, cài đặt, ghi đè... Hoạt động giám định kỹ thuật số và điện tử phổ biến được tiến hành hiện nay là: Giám định dữ liệu số lưu trữ trong các thiết bị kết nối với máy vi tính, dữ liệu số lưu trữ trong sim và điện thoại di động.

b. Giám định pháp y

Giám định pháp y là một lĩnh vực giám định tư pháp, do các giám định viên pháp y tiến hành bằng việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, để kết luận về mặt y khoa những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định.

Giám định pháp y trong lực lượng Công an nhân dân do Trung tâm Giám định pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự, bộ phận giám định pháp y thuộc các Phân viện Khoa học hình sự và bộ phận giám định pháp y thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự thực hiện. Tùy thuộc vào nội dung trưng cầu,

yêu cầu, cũng như điều kiện, khả năng thực hiện giám định, giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân sẽ tiến hành các hoạt động giám định như: Giám định pháp y tử thi (Các trường hợp chết do vật sắc nhọn, các trường hợp chết do vật tày, các trường hợp chết do hỏa khí, các trường hợp chết do ngạt cơ học, các trường hợp chết do ngộ độc, các trường hợp chết do oxid carbon, các trường hợp chết do điện giật, các trường hợp đột tử, các trường hợp chết cháy, các trường hợp chết do nhiệt độ cao, các trường hợp chết do nhiệt độ thấp; các trường hợp tai nạn giao thông đường bộ, các trường hợp tai nạn giao thông đường sắt, các trường hợp tai nạn giao thông đường thủy, các trường hợp tai nạn máy bay, tử thi trẻ sơ sinh, tử thi trong sản khoa, tử thi khai quật); Giám định pháp y thương tích (vùng sọ não, cơ quan thị giác, cơ quan tai mũi họng, cơ quan răng hàm mặt, vùng ngực phổi, vùng bụng, cơ quan tiết niệu sinh dục, vùng cột sống, vùng tứ chi, vết thương phần mềm); Giám định vi thể; Giám định pháp y tổn hại sức khỏe (do trúng độc, do ngạt cơ học, do điện, do bị sét đánh...); Giám định pháp y nhận dạng tử thi; Giám định xác định độ tuổi; Giám định pháp y xâm hại tình dục...

4. Giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân

a. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân

Giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân là những giám định viên tư pháp chuyên trách, bao gồm:

Giám định viên kỹ thuật hình sự (Giám định viên dấu vết đường vân; Giám định viên dấu vết cơ học; Giám định viên súng, đạn; Giám định viên tài liệu; Giám định viên cháy, nổ; Giám định viên kỹ thuật; Giám định viên âm thanh; Giám định viên sinh học; Giám định viên hóa học; Giám định viên kỹ thuật số và điện tử) và giám định viên pháp y.

Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự trong Công an nhân dân

Giám định viên kỹ thuật hình sự trong Công an nhân dân được bổ nhiệm khi đảm bảo được các tiêu chuẩn sau⁽¹⁾:

- Là sĩ quan nghiệp vụ Công an;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ đại học trở lên và đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo từ đủ 3 năm trở lên, cụ thể:
 - + Giám định viên dấu vết đường vân: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành hóa học, ngành công nghệ hóa học, ngành kỹ thuật hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật hóa học, ngành sư phạm hóa học, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin;

⁽¹⁾ Theo Thông tư số 33/2014/TT-BCA, ngày 5/8/2014, của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự.

+ Giám định viên dấu vết cơ học: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí, nhóm ngành kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin;

+ Giám định viên súng, đạn: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành kỹ thuật cơ khí, ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí, ngành chỉ huy kỹ thuật, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin;

+ Giám định viên tài liệu: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội, nhóm ngành luật, nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài, nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, nhóm ngành mỹ thuật, nhóm ngành mỹ thuật ứng dụng, ngành hóa học, ngành công nghệ hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật hóa học, ngành sư phạm hóa học, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học, ngành nhiếp ảnh, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin;

+ Giám định viên cháy, nổ: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; ngành hóa học; ngành phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, ngành chỉ huy kỹ thuật, ngành chỉ huy kỹ thuật công binh, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học;

+ Giám định viên kỹ thuật: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, nhóm ngành kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, ngành phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, ngành chỉ huy kỹ thuật, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin;

+ Giám định viên âm thanh: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin; nhóm ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, ngành ngôn ngữ học, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin;

+ Giám định viên sinh học: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành sinh học, nhóm ngành sinh học ứng dụng, nhóm ngành y học, nhóm ngành dịch vụ y tế, ngành sư phạm sinh học;

+ Giám định viên hóa học: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong nhóm ngành dược học, ngành hóa học, ngành công nghệ hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật hóa học, ngành công nghệ kỹ thuật môi trường, ngành công nghệ thực phẩm, ngành sư phạm hóa học, ngành địa chất học, ngành chỉ huy kỹ thuật hóa học;

+ Giám định viên kỹ thuật số và điện tử: có trình độ đại học trở lên thuộc một trong những nhóm ngành công nghệ

kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông, nhóm ngành kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin, ngành chỉ huy kỹ thuật thông tin.

- Có chứng nhận đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ giám định ở chuyên ngành được đề nghị bổ nhiệm do Viện Khoa học hình sự hoặc cơ quan Khoa học hình sự ở nước ngoài được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập cấp.

Giám định viên pháp y và giám định viên kỹ thuật hình sự trong lực lượng Công an nhân dân có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Giám định tư pháp, trừ quyền được thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên pháp y trong Công an nhân dân

Giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân được bổ nhiệm khi đảm bảo các tiêu chuẩn sau⁽¹⁾:

- Là sĩ quan nghiệp vụ Công an;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

⁽¹⁾ Theo Thông tư số 02/2014/TT-BYT, ngày 15/1/2014, của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần.

- Phải là bác sĩ, dược sĩ đại học hoặc tốt nghiệp đại học trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực giám định pháp y;

- Có thời gian làm việc theo đúng chuyên ngành được đào tạo tại cơ sở y tế từ đủ 5 năm trở lên. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y là người trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y thì thời gian hoạt động thực tế chuyên môn phải từ đủ 3 năm trở lên;

- Có chứng chỉ do Viện Pháp y Quốc gia hoặc cơ sở đào tạo có Bộ môn Pháp y cấp cho người tham gia khóa đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định từ đủ 3 tháng trở lên theo chương trình đào tạo đã được Bộ Y tế phê duyệt. Người đã có bằng hoặc chứng chỉ định hướng chuyên khoa trở lên về pháp y thì không phải qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định pháp y do cơ sở giáo dục của nước ngoài cấp phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về giáo dục hoặc theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân

Giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân do Bộ Y tế bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ Công an. Giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Viện Khoa học hình sự

(Bộ Công an) do Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm. Giám định viên pháp y, giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm.

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự được thực hiện như sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an): Viện Khoa học hình sự chủ trì, phối hợp với Cục Tổ chức cán bộ, Cục Công tác đảng và công tác chính trị lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự; rà soát các trường hợp miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, tập hợp hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Phòng Giám định kỹ thuật hình sự (Bộ Quốc phòng): Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự; rà soát các trường hợp miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Viện Khoa học hình sự có trách nhiệm kiểm tra hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh: Công an

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh) chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự; rà soát các trường hợp miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, đăng tải danh sách bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Viện Khoa học hình sự có trách nhiệm giúp Bộ Công an lập, đăng tải danh sách giám định viên trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập, điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.

+ Công an cấp tỉnh (Phòng Kỹ thuật hình sự) có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, đăng tải danh sách giám định viên trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập, điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân được thực hiện như sau:

- Đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an): Bộ Công an xem xét, lựa chọn, hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp gửi Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế để trình Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

- Đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y (pháp y tử thi) thuộc Phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh: Công an cấp tỉnh xem xét, lựa chọn, hoàn thiện hồ sơ để tổng hợp gửi về Sở Y tế để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

c. Chế độ đối với giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân

Ngoài việc được nhận chi phí giám định khi thực hiện giám định, giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân còn được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp; chế độ phụ cấp trách nhiệm, công việc giám định tư pháp theo quy định.

Thứ nhất, chế độ đối với giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân⁽¹⁾

Giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo ngày công hoặc theo vụ việc.

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg, ngày 1/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và Thông tư số 31/2015/TT-BYT, ngày 14/10/2015, của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc áp dụng chế độ bồi dưỡng, thời gian và số người thực hiện giám định đối với từng loại việc giám định pháp y, pháp y tâm thần.

Ví dụ: Chế độ bồi dưỡng giám định pháp y tử thi:

Loại việc giám định	Mức tiền bồi dưỡng/1 GBV/tử thi (đồng)
1. Giám định tử thi không được bảo quản theo đúng quy định hoặc tử thi ở trạng thái thối rửa tự nhiên.	
1.1. Trường hợp không mổ tử thi	
a) Người chết trong vòng 48 giờ	600.000
b) Người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày	800.000
c) Người chết quá 7 ngày	1.000.000
d) Người chết bị nhiễm thuộc nhóm A, nhóm B	1.000.000
1.2. Trường hợp phải mổ tử thi	
a) Người chết trong vòng 48 giờ	1.500.000
b) Người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày	2.500.000
c) Người chết quá 7 ngày	3.000.000
d) Người chết quá 7 ngày và phải khai quật	4.500.000
d) Người chết bị nhiễm bệnh thuộc nhóm A hoặc nhóm B	4.500.000
2. Giám định tử thi được bảo quản theo đúng quy định	
2.1. Trường hợp không mổ tử thi	
a) Người chết trong vòng 48 giờ	450.000
b) Người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày	560.000
c) Người chết quá 7 ngày	750.000
d) Người chết bị nhiễm bệnh thuộc nhóm A hoặc nhóm B	750.000
2.2. Trường hợp phải mổ tử thi	
a) Người chết trong vòng 48 giờ	1.250.000
b) Người chết ngoài 48 giờ đến 7 ngày	1.875.000
c) Người chết quá 7 ngày	2.250.000
d) Người chết bị nhiễm thuộc nhóm A, nhóm B	3.375.000
d) Người chết quá 7 ngày và phải khai quật	3.375.000

- Trong mỗi trường hợp giám định, người có thẩm quyền phân công không quá 3 cán bộ kỹ thuật hình sự thực hiện nhiệm vụ khi khám nghiệm, mổ và khai quật 1 tử thi. Cán bộ kỹ thuật hình sự tham gia được hưởng 70% mức bồi dưỡng mà giám định viên pháp y được hưởng.

- Trong mỗi trường hợp giám định, người có thẩm quyền phân công 1 Điều tra viên thực hiện nhiệm vụ khi khám nghiệm, mổ và khai quật 1 tử thi đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Công an cấp huyện; Phân công không quá 2 Điều tra viên thực hiện nhiệm vụ khi khám nghiệm, mổ và khai quật 1 tử thi đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Công an cấp tỉnh trở lên; Phân công 1 Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ khi khám nghiệm, mổ và khai quật 1 tử thi đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Công an cấp huyện; Phân công không quá 2 Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ khi khám nghiệm, mổ và khai quật 1 tử thi đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử lý của Công an cấp tỉnh trở lên; 1 Thẩm phán khi cần thiết phải tham gia theo quy định của pháp luật tố tụng. Những người này được hưởng 30% mức bồi dưỡng mà giám định viên pháp y được hưởng.

Giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân là những giám định viên tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực pháp y, do đó giám định viên pháp y còn được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm, công việc giám định tư pháp là 0,3 so với mức lương tối thiểu chung.

Thứ hai, chế độ đối với giám định viên kỹ thuật hình sự trong lực lượng Công an nhân dân⁽¹⁾

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg, ngày 1/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và Thông tư số 49/2017/TT-BCA, ngày 26/10/2017, của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; thành phần, số người thực hiện nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi và khai quật tử thi

Giám định viên kỹ thuật hình sự trong lực lượng Công an nhân dân được hưởng chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo ngày công. Cụ thể:

- Mức 500.000 đồng/ngày/người áp dụng đối với các việc giám định sau: giám định cháy, nổ; chất ma túy; ADN; giám định ký tự đóng chìm trên vật liệu bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại; giám định dấu vết đường vân phải sử dụng một trong các phương pháp như xông keo, Ninhydrin, Iot, hạt nhỏ, Amilo Black để phát hiện dấu vết; giám định hóa pháp lý phải sử dụng hóa chất nguy hiểm để giám định thuộc danh mục hóa chất ban hành kèm theo Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP; giám định tinh dịch, máu khi đối tượng giám định bị nhiễm HIV/AIDS, mang nguồn bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm thuộc nhóm A quy định tại điểm a khoản 1, Điều 3, Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

- Mức 300.000 đồng/ngày/người áp dụng đối với các việc giám định sau: giám định súng, đạn, âm thanh; giám định tài liệu phải sử dụng các thiết bị chuyên dụng phát ra tia bức xạ hoặc tia laser; giám định kỹ thuật số, điện tử; giám định dấu vết va chạm cơ học trong vụ tai nạn giao thông, dấu vết công cụ, dấu vết khóa, khớp phải sử dụng thiết bị chuyên dụng phát ra tia bức xạ hoặc laser; giám định dấu vết đường vân không phải sử dụng một trong các phương pháp như xông keo, Ninhydrin, Iot, hạt nhỏ, Amilo Black để phát hiện dấu vết; giám định ADN xác định huyết thống cha, mẹ -

con từ người sống mà mẫu giám định không bị nhiễm HIV/AIDS, mang nguồn bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm thuộc nhóm A quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; giám định hình thái động vật, thực vật, vi sinh vật, vải sợi, dấu vết sinh vật từ cơ thể người mà không phải sử dụng hóa chất nguy hiểm để giám định thuộc danh mục hóa chất ban hành kèm theo Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP.

- Mức 150.000 đồng/ngày/người áp dụng đối với các việc giám định thuộc các trường hợp khác.

Người giúp việc cho giám định viên kỹ thuật hình sự bao gồm: trợ lý giám định viên; kỹ thuật viên sẽ được hưởng 70% mức bồi dưỡng mà giám định viên kỹ thuật hình sự được hưởng.

Giống như giám định viên pháp y trong lực lượng Công an nhân dân, Giám định viên kỹ thuật hình sự còn được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm, công việc giám định tư pháp là 0,3 so với mức lương tối thiểu chung.

5. Quản lý hồ sơ giám định tư pháp

Hồ sơ giám định tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân là hồ sơ nghiệp vụ. Việc bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định phải được thực hiện theo đúng chế độ bảo quản, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành. Cụ thể:

- Các phân viện, phòng, trung tâm thuộc Viện Khoa học hình sự lưu trữ và quản lý hồ sơ giám định trong thời hạn 5 năm, sau đó chuyển giao cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ lưu trữ và bảo quản 25 năm tiếp theo.

- Các phòng Kỹ thuật hình sự Công an cấp tỉnh lưu trữ và bảo quản hồ sơ giám định trong thời hạn 5 năm, sau đó chuyển giao cho Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh lưu trữ và bảo quản 25 năm tiếp theo.

- Việc sao lại hồ sơ giám định phải được sự đồng ý của lãnh đạo cơ quan trực tiếp giám định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2014), *Thông tư số 33/2014/TT-BCA quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2015), *Quyết định số 2440/QĐ-BCA quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Viện Khoa học hình sự*, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2017), *Thông tư số 49/2017/TT-BCA quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; thành phần, số người thực hiện nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi và khai quật tử thi*, Hà Nội.
5. Bộ Công an (2017), *Thông tư số 61/2017TT-BCA quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự*, Hà Nội.
6. Bộ Tư pháp (2011), *Báo cáo Tổng kết 05 năm thi hành Pháp lệnh Giám định tư pháp*, Hà Nội
7. Bộ Y tế (2013), *Thông tư số 47/2013/TT-BYT ban hành quy trình giám định pháp y*, Hà Nội.

8. Bộ Y tế (2014), *Thông tư số 02/2014/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần*, Hà Nội.
9. Bộ Y tế (2015), *Thông tư số 18/2015/TT-BYT ban hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần*, Hà Nội.
10. Bộ Y tế (2015), *Thông tư số 31/2015/TT-BYT quy định việc áp dụng chế độ bồi dưỡng, thời gian và số người thực hiện giám định đối với từng loại việc giám định pháp y, pháp y tâm thần*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2011), *Tờ trình số 154/TTr-CP về Luật Giám định tư pháp*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2012), *Nghị định số 85/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2013), *Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã*, Hà Nội.
14. Cục Bổ trợ tư pháp (Bộ Tư pháp) (2017), *Quyết định số 19/QĐ-BTTP ban hành tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp lý về giám định tư pháp*, Hà Nội.
15. Học viện Cảnh sát nhân dân (2005), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Hà Nội.

16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giám định tư pháp*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tố chức Cơ quan điều tra hình sự*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tố tụng hành chính*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
21. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 258/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp”*, Hà Nội.
22. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Chỉ thị số 1958/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp*, Hà Nội.
23. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp*, Hà Nội.
24. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân (Bộ Công an) (2010), *Quyết định số 10957/QĐ-X11 quy định*

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hà Nội.

25. Tổng cục Cảnh sát (2017), *Quyết định số 87/QĐ-C41-C43 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học hình sự*, Hà Nội.
26. Tổng cục Cảnh sát (2017), *Quyết định số 88/QĐ-C41-C43 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thuộc Viện Khoa học hình sự*, Hà Nội.
27. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh về Giám định tư pháp*, Hà Nội
28. Viện Khoa học hình sự (2016), *Quy trình Giám định Kỹ thuật hình sự và pháp y Công an nhân dân*, Hà Nội.
29. Vụ Phổ biến Giáo dục pháp luật - Vụ Bổ trợ tư pháp (2012), *Đề cương giới thiệu Luật Giám định tư pháp*, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
-------------------	---

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	7
--	----------

I. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	7
--	----------

1. Khái niệm Luật Giám định tư pháp	7
2. Nhiệm vụ của Luật Giám định tư pháp	19
3. Quá trình phát triển của Luật Giám định tư pháp	22

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	33
---	-----------

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn	33
2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời	34
3. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được yêu cầu	37
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định	40

III. CHỦ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	41
---	-----------

1. Người trung cầu giám định	41
2. Người yêu cầu giám định	45
3. Người giám định tư pháp	47
4. Tổ chức giám định tư pháp	61

IV. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	77
--	-----------

1. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với người giám định tư pháp	77
2. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với cá nhân khác	83

Chương 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	86
--	-----------

I. TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	86
---	-----------

1. Khái niệm	86
2. Các trường hợp trưng cầu giám định	87
3. Trình tự, thủ tục trưng cầu giám định	89
4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp khi nhận được quyết định trưng cầu giám định	91

II. YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG VỤ VIỆC DÂN SỰ, VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ ÁN HÌNH SỰ	92
--	-----------

1. Khái niệm	92
2. Các trường hợp người yêu cầu giám định tư pháp không có quyền tự mình yêu cầu giám định	93

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu giám định	95
4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp khi nhận được văn bản yêu cầu giám định.....	96
III. GIÁM ĐỊNH CÁ NHÂN, GIÁM ĐỊNH TẬP THỂ.....	97
1. Giám định cá nhân.....	97
2. Giám định tập thể.....	98
IV. GIÁM ĐỊNH LẦN ĐẦU, GIÁM ĐỊNH BỔ SUNG, GIÁM ĐỊNH LẠI.....	99
1. Giám định lần đầu.....	99
2. Giám định bổ sung.....	100
3. Giám định lại.....	102
V. TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	105
VI. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	113
1. Giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định.....	113
2. Thời hạn giám định tư pháp.....	115
3. Kết luận giám định tư pháp.....	119
4. Hồ sơ giám định tư pháp.....	123
5. Chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp.....	126

Chương 3

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	139
I. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ CÔNG AN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP	139
1. Nhiệm vụ quản lý nhà nước về giám định tư pháp của Bộ Công an.....	139
2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.....	141
II. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN	146
1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước về giám định tư pháp của Bộ Công an	146
2. Tổ chức giám định tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân	149
3. Lĩnh vực hoạt động giám định tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân.....	157
4. Giám định viên tư pháp trong lực lượng Công an nhân dân.....	164
5. Quản lý hồ sơ giám định tư pháp	176
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	178

GIÁO TRÌNH

LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc, Tổng Biên tập

Đại tá, ThS. MÃ DUY QUÂN

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc, Phó Tổng biên tập

Thượng tá TRẦN CAO KIỀU

Biên tập: NGUYỄN TƯỜNG

Trình bày: THANH THÚY

Bìa: Design Nguyễn

Sửa bản in: HÀN PHONG

In 210 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng.
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 110-2019/CXBIPH/20-01/CAND.
Quyết định xuất bản số: 310/2019/QĐXB-NXBCAND ngày 25/12/2019.
Mã số ISBN: 978-604-72-3658-9. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2019.

Thư viện ĐHCS



K L 2 0 0 1 2 3 6 6

GIÁO TRÌNH
LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Trụ sở: 92 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84) 024. 39761560 - 069.2342969; Fax: (84) 024. 39741379
Chi nhánh: 283 Điện Biên Phủ, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 069.3337416 - Fax: (84) 028. 39308099

ISBN: 978-604-72-3658-9



9 786047 236589

SÁCH KHÔNG BÁN